

Số: ~~3353~~ KH-BHXHHà Nội, ngày ~~22~~ tháng ~~10~~ năm 2020**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 2021-2025 CỦA NGÀNH BẢO HIỂM XÃ HỘI**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2021-2025; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2021 và Công văn số 3889/BKHĐT-TH ngày 16/6/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Đề cương Việt Nam xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025, Công văn số 4201/BKHĐT-TH ngày 30/6/2020 về Đề cương chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2020, Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của ngành BHXH như sau:

PHẦN I**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BHXH,
BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ 5 NĂM 2016-2020****I. Thuận lợi và khó khăn****1. Thuận lợi**

- Giai đoạn 2016 - 2020, nhiều cơ sở pháp lý quan trọng về chính sách BHXH, BHYT đã được ban hành như: Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012 – 2020 (Nghị quyết số 21); Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới (Nghị quyết số 20); Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách BHXH (Nghị quyết số 28); Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016 thay thế Luật BHXH số 71/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015; Nghị định số

146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT.... Các chính sách về BHXH, BHTN, BHYT đã từng bước được đổi mới, phù hợp hơn với điều kiện phát triển KTXH của đất nước, đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT từng bước được mở rộng, quyền lợi của người tham gia trong thụ hưởng chính sách BHXH, BHTN, BHYT được quan tâm, chú trọng là những điều kiện thuận lợi trong việc triển khai thực hiện chính sách BHXH, BHYT của toàn ngành BHXH.

- BHXH Việt Nam đã thực hiện tốt công tác phối hợp trong tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo các Bộ, ngành, tổ chức chính trị- xã hội và các cơ quan thông tấn, báo chí từ đó đã tạo được quy mô rộng về địa bàn, đa dạng về nội dung và hình thức tuyên truyền. Bên cạnh đó, Quyết định 1676/QĐ-TTg ngày 21/11/2019 Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới toàn diện nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền BHXH đã hướng đến tất cả các đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT; giúp người dân, người lao động hiểu rõ quyền, lợi ích của việc tham gia BHXH, BHTN, BHYT trên cơ sở nhận thức đúng, đầy đủ và sâu sắc chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BHXH, từ đó tạo sự đồng thuận, chủ động tham gia, mở rộng phạm vi bao phủ.

- Với định hướng của Quốc hội và sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, BHXH Việt Nam liên tục triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trên hầu hết các hoạt động nghiệp vụ chủ yếu nhất nhằm rút ngắn thời gian giải quyết công việc, giảm bớt các khâu trung gian và tạo điều kiện để các hoạt động tác nghiệp trở nên nhanh chóng, thuận tiện, chính xác, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức ngành BHXH.

- Giai đoạn 2016-2020 là giai đoạn đầu BHXH Việt Nam thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành theo Nghị định 21/2016/NĐ-CP ngày 31/3/2016 của Chính phủ quy định việc thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), BHYT của cơ quan BHXH. Hệ thống các văn bản quy định giao chức năng thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT đã tạo hành lang pháp lý cho cơ quan BHXH trong việc tổ chức thu, phát triển đối tượng và xử lý vi phạm, đảm bảo việc tuân thủ pháp luật được tốt hơn. Bộ luật Hình sự bổ sung các tội danh về BHXH, BHYT đã đảm bảo tính trừng phạt, răn đe có tác động tốt đến ý thức của các chủ thể.

- Hệ thống các văn bản quy định về cơ chế quản lý tài chính BHXH, BHTN, BHYT và chi quản lý BHXH, BHTN, BHYT của ngành BHXH như: Nghị quyết số 528/2018/UBTVQH14 ngày 26/5/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi quản lý BHXH, BHTN giai đoạn 2019-2021; Quyết định số 51/2018/QĐ-TTg

ngày 25/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN giai đoạn 2019 – 2021; Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT và Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60; Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT; Thông tư số 24/2020/TT-BTC ngày 13/4/2020 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT được ban hành đầy đủ, kịp thời đã tạo điều kiện cho BHXH Việt Nam chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ hằng năm nhằm nâng cao hiệu quả trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHTN, BHYT.

- Toàn ngành BHXH luôn chủ động, nỗ lực quyết tâm để thực hiện thành công các chỉ tiêu được giao của các cấp có thẩm quyền.

2. Khó khăn

- Mặc dù hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật BHXH, BHYT đã được ban hành kịp thời, đồng bộ. Nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn phát sinh một số vướng mắc chưa được quy định cụ thể; một số chính sách về BHXH, BHTN, BHYT thường xuyên có sự điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dẫn đến việc áp dụng để giải quyết của ngành BHXH gặp nhiều khó khăn.

- Tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ BHXH, BHTN, BHYT vẫn còn xảy ra ở một số địa phương (như việc thu mua sổ BHXH của người lao động ở Bình Dương; mua bán giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH ở Hậu Giang; giả mạo hồ sơ giải quyết chế độ tử tuất ở Quảng Bình...), hay hành vi lạm dụng quỹ BHYT của các cơ sở KCB (như việc lôi kéo người bệnh; kéo dài ngày điều trị nội trú; tăng tỷ lệ điều trị nội trú...) vẫn chưa được xử lý kịp thời.

- Thẩm quyền xử lý của ngành BHXH về một số hành vi sai phạm chưa được quy định rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật như: Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi đối tượng vi phạm không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt,... dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực BHXH, BHYT chưa đủ sức răn đe khiến một số đơn vị sử dụng lao động còn coi thường pháp luật, vẫn cố tình nợ đọng kéo dài hoặc trục lợi chính sách BHXH, BHYT; đối tượng được thanh tra, kiểm tra đôi khi còn cản trở, thiếu hợp tác.

- Đại dịch Covid-19 đã và đang tác động đến kinh tế, thương mại, đầu tư, y tế, xã hội cụ thể: việc hạn chế đi lại khiến hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ

trong một số ngành bị thu hẹp, suy giảm nhanh chóng (du lịch, giao thông, khách sạn, nhà hàng, thương mại, giáo dục đào tạo...); chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô sản xuất của các doanh nghiệp trong các ngành điện tử, gia dụng, dệt may, da giày và phần lớn các sản phẩm xuất khẩu khác; hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị thu hẹp, lượng sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ giảm.... Trước tình hình đó tình trạng doanh nghiệp nợ đọng, trốn đóng BHXH, BHYT ngày càng gia tăng gây ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của người lao động và gây khó khăn cho ngành BHXH. Đại dịch bệnh Covid-19 là một khó khăn lớn đối với việc hoàn thành các chỉ tiêu được giao trong việc tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHTN, BHYT của ngành BHXH, đặc biệt là việc hoàn thành chỉ tiêu dự toán thu, chi năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ giao.

II. Kết quả đạt được và hạn chế, yếu kém

1. Đánh giá kết quả đạt được

Thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Ngành xây dựng tại Công văn số 961/KH-BHXH ngày 24/3/2015, trong 5 năm qua, BHXH Việt Nam đã kịp thời ban hành các Chương trình, hành động thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của Quốc Hội, Chính phủ nhằm mục đích thực hiện thành công mục tiêu phát triển KTXH đã đề ra trong giai đoạn 2016-2020. BHXH Việt Nam đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2016-2020 và tình hình thực hiện các Đề án, cụ thể như sau:

1.1. Công tác phối hợp xây dựng, triển khai chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT

a) Tham gia hoàn thiện chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT

- Tích cực tham gia với các Bộ, ngành hoàn thiện, trình Chính phủ, Quốc hội nhiều văn bản quan trọng liên quan đến lĩnh vực BHXH, BHTN, BHYT, như: Dự thảo Bộ luật Lao động (sửa đổi); dự thảo Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi); dự thảo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi); dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 28/2015/NĐ-CP quy định một số điều của Luật Việc làm về BHTN; dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 44/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức đóng BHXH bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm TNLĐ BNN; dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 37/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) về bảo hiểm TNLĐ-BNN bắt buộc...

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện nhiều dự thảo văn bản, quy định, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT, như: dự thảo Thông tư hướng dẫn điều chỉnh tên nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; dự thảo Thông tư hướng dẫn điều chỉnh lương hưu và trợ cấp BHXH hàng tháng; dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung

Thông tư số 35/2016/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với dịch vụ kỹ thuật thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia BHYT; dự thảo Thông tư sửa đổi bổ sung Thông tư số 39/2018/TT-BYT của Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh BHYT và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT; dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT đối với các đối tượng Bộ Quốc phòng quản lý...

b) Xây dựng, hoàn thiện các dự thảo văn bản, báo cáo

Xây dựng, hoàn thiện nhiều văn bản, báo cáo gửi Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành làm cơ sở cho việc ban hành các văn bản, chỉ đạo liên quan đến lĩnh vực BHXH, BHTN, BHYT như: Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác BHYT trong tình hình mới; Báo cáo tình hình thực hiện chính sách, chế độ BHXH, quản lý và sử dụng quỹ BHXH, BHTN năm 2018; Báo cáo việc quản lý, sử dụng Quỹ BHYT và báo cáo giải trình với Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách giai đoạn 2013-2018”; Báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về ATVSLĐ giai đoạn 2016-2018 phục vụ Đoàn Giám sát của Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội; Báo cáo kết quả 2 năm thực hiện Nghị quyết 68/2013/QH13 về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật BHYT, tiến tới BHYT toàn dân; Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020; Báo cáo tình hình thực hiện chi trả các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp và quản lý người hưởng qua hệ thống Bưu điện gửi Thủ tướng Chính phủ; Báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Báo cáo Bộ Tài chính tình hình hỗ trợ đóng BHYT cho học sinh sinh viên trung ương năm 2017, 2018, 2019; Báo cáo Bộ Thông tin và truyền thông tình hình triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH qua các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt và thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 241/QĐ-TTg; Báo cáo Bộ Tài chính đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03/02/2016 hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN; Báo cáo Bộ Công an sơ kết công tác bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2019; Báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ giải trình một số nội dung về dự thảo nghị định thay thế nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính Phủ; Báo cáo Văn phòng Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Tài chính khó khăn vướng mắc trong tổ chức thực hiện chính sách

BHYT; Báo cáo tổng hợp kết quả giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 6, Quốc hội Khóa XIV gửi Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội...

c) Phối hợp triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT

- Phối hợp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: tổ chức Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia về xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, BHXH, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; cung cấp số liệu nợ BHXH, BHTN của doanh nghiệp phá sản, giải thể và có chủ là người nước ngoài bỏ trốn và trình Chính phủ biện pháp quản lý thu nợ BHXH, BHTN, BHYT và bảo đảm quyền lợi của người lao động.

- Phối hợp với Bộ Y tế: tổ chức Hội nghị giao ban định kỳ về việc thực hiện chính sách BHYT nhằm đánh giá và kịp thời tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước về BHYT và những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện chính sách BHYT.

- Phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao xây dựng Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*hướng dẫn áp dụng các điều 214, 215, 216 Bộ luật Hình sự 2015*); phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức Hội thảo xin ý kiến các cơ quan liên quan để hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định việc cấp, quản lý và sử dụng thẻ BHXH, BHYT điện tử.

- Phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức Hội nghị tập huấn chính sách pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT cho cán bộ công đoàn cấp trên cơ sở của 04 tỉnh khu vực Bắc Trung bộ; phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức Hội nghị tập huấn công tác tuyên truyền BHXH, BHYT năm 2019 tại Đắk Lắk.

- Phối hợp tổ chức và tham gia Đoàn giám sát của Hội đồng quản lý tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Bình Phước, Tây Ninh...; chuẩn bị tốt các nội dung, điều kiện để làm việc với các đoàn công tác của Đảng, Chính phủ và các Bộ, ngành như: Đoàn công tác của Bộ Chính trị kiểm tra việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Trung ương tại BHXH Việt Nam; Đoàn khảo sát Tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 221-QĐ/TW ngày 27/4/2009 của Ban Bí thư về Quy chế phối hợp giữa Ban Tuyên giáo các cấp với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra hoạt động công vụ; Đoàn công tác của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về vấn đề cải cách chính sách BHXH; Đoàn công tác Thanh tra Chính phủ về tình hình quản lý quỹ BHYT, mua sắm trang thiết bị y tế và đấu thầu thuốc giai đoạn 2014-2019; Đoàn

Kiểm toán Nhà nước về quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước; Đoàn kiểm tra của Bộ Công an về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước...

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về BHXH, BHYT

Thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW, BHXH Việt Nam đã ban hành Chương trình số 373/CTr- BHXH ngày 17/01/2013 về triển khai công tác tuyên truyền; Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền trong toàn ngành; Ký chương trình, kế hoạch, quy chế phối hợp tuyên truyền với các Bộ, ngành và tổ chức chính trị- xã hội theo từng giai đoạn. Giai đoạn 2016-2020 kết quả đạt được cụ thể như sau:

Công tác phối hợp tuyên truyền với các Bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội: tiếp tục được duy trì, mở rộng và phát huy hiệu quả (*Nếu như năm 2016 phối hợp với 13 đơn vị Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội thì đến năm 2020 đã tăng lên là 19 đơn vị Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội với 30 đầu mối phối hợp*). Kết quả trong giai đoạn này, đã phối hợp tổ chức được trên 760 hội nghị tập huấn, hội thảo, hội thi, tư vấn, đối thoại tuyên truyền về BHXH, BHYT. Các hình thức tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT được tổ chức ngày càng đa dạng và hướng đến cơ sở, trong đó chú trọng tổ chức các hình thức tuyên truyền trực tiếp với các tầng lớp nhân dân như tư vấn, đối thoại, tọa đàm. Cùng với đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT tập trung tuyên truyền về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tính nhân đạo nhân văn sâu sắc của chính sách BHXH, BHYT; quyền lợi, mức đóng, mức hưởng và thủ tục khi tham gia BHXH, BHYT... Phạm vi tuyên truyền đến với mọi đối tượng trong xã hội nhất là nhóm đối tượng: Nông dân, ngư dân, diêm dân, học sinh, sinh viên, người lao động trong các làng nghề, hợp tác xã, người thuộc hộ cận nghèo, công nhân trong các khu công nghiệp.

- Công tác phối hợp tuyên truyền với các cơ quan thông tấn báo chí: trong 05 năm qua, công tác phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí đã được tiến hành ngày càng chặt chẽ, chủ động, tích cực đổi mới theo hướng thiết thực, hiệu quả với độ bao phủ rộng, tần suất tăng, hướng tới cơ sở và đến với mọi nhóm đối tượng tham gia BHXH, BHYT. Đồng thời, được triển khai rộng khắp từ Trung ương đến địa phương ở tất cả các loại hình báo nói, báo hình, báo in và báo điện tử... Nội dung, hình thức truyền thông được sử dụng đa dạng, phong phú, từng bước đổi mới phù hợp với từng đối tượng, từng vùng miền và xu thế phát triển của xã hội. Các thông tin luôn đảm bảo đúng định hướng pháp luật BHXH, BHYT của Đảng, Nhà nước và đúng trọng tâm, trọng điểm truyền truyền của Ngành đề ra. Nhiều bài báo, phóng sự... về BHXH, BHYT được đầu tư công phu, bài bản, kịp thời thông tin về những thay đổi trong chính sách, pháp luật BHXH, BHYT, giúp người dân hiểu rõ về chính

sách, tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện. Song song với việc thực hiện các công tác tuyên truyền thường niên mang tính thường xuyên, liên tục. Thực hiện chương trình tuyên truyền trọng tâm, trọng điểm theo các chuyên đề riêng biệt, đảm bảo tính kịp thời, thời sự về các chính sách BHXH, BHYT tại từng thời điểm cụ thể, tạo dấu ấn truyền thông chính sách rõ nét, góp phần đẩy nhanh việc đưa các Nghị quyết, chính sách an sinh của Đảng nhanh chóng đi vào thực tiễn. Đơn cử như các đợt truyền thông trọng tâm, trọng điểm về Nghị quyết số 21-NQ/TW, Nghị quyết số 28-NQ/TW, Bộ Luật Hình sự số 100/2015/QH13 mà trong đó tập trung vào các điều luật số 214, 215, 216, về việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế; về chính sách BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình, chiến dịch truyền thông cao điểm “Ngành BHXH chung tay cùng cả nước phòng, chống dịch Covid-19”...

Kết quả, với sự tích cực, chủ động, đổi mới trong công tác phối hợp với các cơ quan báo chí, số lượng chuyên trang/chuyên mục trên báo in, cũng như các chương trình cố định trên truyền hình tăng mạnh so với giai đoạn trước. Trong 5 năm từ 2016-2020, đã có gần 50.000 tin, bài phản ánh về các hoạt động của ngành BHXH và tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trong đó, số tin, bài phản ánh năm sau luôn cao hơn năm trước: Năm 2019 có hơn 13.000 tin, bài, tăng hơn 8.500 tin, bài (gấp 2,8 lần) so với năm 2016; tăng hơn 6.000 tin, bài (gấp 1,8 lần) so với năm 2017, 2018... Trong những tháng đầu năm 2020 (từ ngày 31/01-21/4/2020), đã triển khai hiệu quả công tác phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí truyền thông về những nỗ lực của Ngành đồng hành cùng cả nước chống dịch Covid-19 với 2.660 tin, bài.

- Công tác biên tập ấn phẩm tuyên truyền BHXH, BHYT: Xác định vai trò, nhiệm vụ quan trọng của mảng ấn phẩm truyền thông trong việc phục vụ nhiệm vụ chính trị của Ngành. Trong 05 năm qua, công tác biên tập, sản xuất ấn phẩm có nhiều khởi sắc, đổi mới theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại theo Quyết định 1676/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới toàn diện nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền. Chủ động tham mưu, biên tập nhiều ấn phẩm tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT, BHTN như: Cẩm nang về BHXH tự nguyện”, “Cẩm nang về BHYT học sinh, sinh viên” và tờ gấp “Những điều cần biết về BHXH tự nguyện”; “Những điều cần biết về BHYT học sinh, sinh viên”; “Những điều cần biết về BHYT hộ gia đình... Nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập Ngành, để góp phần quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế xã hội của BHXH Việt Nam, xây dựng bộ phim tài liệu “BHXH Việt Nam – 25 năm vững trụ cột an sinh” ghi lại lịch sử 25 năm xây dựng và phát triển Ngành; Phim tài liệu “BHXH Việt Nam 25 năm hành trình nhân văn”... Cùng với đó, nhằm cụ thể hóa các quan điểm về cải cách chính sách BHXH được đề ra tại Nghị quyết số 28-NQ/TW, đặc biệt là

việc đổi mới công tác truyền thông, xây dựng kế hoạch và thực hiện triển khai Chiến dịch truyền thông "Xúc cảm" tuyên truyền chính sách BHXH bắt buộc thông qua Viral clip "Trộn vòng trường sinh" và 05 Motion graphics giới thiệu về quyền, lợi ích của 05 chế độ BHXH bắt buộc... tuyên truyền trên mạng xã hội...

- Công tác tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) và Fanpage BHXH Việt Nam: công tác quản trị và vận hành Cổng TTĐT được thực hiện an toàn, hiệu quả. Đã tổ chức sản xuất, biên tập, đăng tải hơn 15.300 tin, bài, văn bản, câu hỏi - đáp về chính sách BHXH, BHYT, BHTN, BHYT lên Cổng TTĐT phiên bản tiếng Việt, thu hút trên 85 triệu lượt người truy cập. Cổng TTĐT ngày càng phát huy là kênh truyền thông chủ lực của Ngành, là đầu mối cung cấp thông tin về BHXH, BHYT, BHTN; cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Ngành hỗ trợ tích cực cho người dân và doanh nghiệp. Kịp thời phản ánh các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định, hướng dẫn, hoạt động của Ngành trong công tác tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT, các thông tin về tình hình an sinh xã hội trong nước và thế giới nhằm tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến đông đảo quần chúng nhân dân. Ngoài việc duy trì thường xuyên nhiệm vụ tư vấn, giải đáp chính sách BHXH, BHYT trên Cổng TTĐT, từ năm 2016-2020 đã tổ chức hơn 20 Chương trình giao lưu trực tuyến, qua đó tư vấn, giải đáp hơn 2.000 câu hỏi về chính sách BHXH, BHYT, BHTN cho người dân và doanh nghiệp. Tháng 4/2019, Fanpage BHXH Việt Nam được thành lập và đi vào hoạt động. Đến nay, sau hơn 01 năm hoạt động thử nghiệm, Fanpage đã đăng tải được 503 tin, bài, phóng sự, video, inforaphic... về BHXH, BHYT, BHTN. Thu hút trên 10.600 người thích, gần 11.300 người theo dõi và khoảng 3.000.000 lượt tiếp cận thông tin, gần 92.000 lượt tương tác. Fanpage đã tiếp nhận và trả lời 1.435 câu hỏi do người dùng Facebook gửi tin nhắn hỏi về chế độ, chính sách BHXH, BHYT, BHTN. Các câu hỏi này được trả lời kịp thời và nhận được những phản hồi tích cực, mang lại sự hài lòng cho người dùng tham gia tương tác trên Fanpage.

- Hoạt động của Hệ thống chăm sóc khách hàng (Callcenter): Ngày 31/8/2017, BHXH Việt Nam đã khai trương Hệ thống chăm sóc khách hàng với đầu số 1900.96.9668 (từ ngày 01/01/2019 chuyển sang đầu số 1900.9068). Hệ thống hoạt động 24/7, từ khi đi vào hoạt động đến nay đã tiếp nhận và trả lời 567.518 cuộc gọi thành công. Hệ thống chăm sóc khách hàng cơ bản đã hỗ trợ, tư vấn, giải đáp cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp về tham gia và thụ hưởng BHXH, BHYT, BHTN qua đó tiết kiệm thời gian, chi phí, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, doanh nghiệp... giảm số người phải trực tiếp đến liên hệ, giao dịch tại cơ quan BHXH các cấp. Góp phần giúp ngành BHXH đẩy mạnh việc chuyển

đổi hình thức giao dịch với cơ quan BHXH của người dân và tổ chức từ hình thức giao dịch trực tiếp sang hình thức sử dụng dịch vụ công trực tuyến của Ngành.

1.3. Công tác thu, phát triển đối tượng, cấp sổ BHXH, thẻ BHYT

Trong giai đoạn 2016-2020, toàn ngành BHXH đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT. Hàng năm, giao chỉ tiêu phát triển đối tượng, đơn đốc thu, giảm nợ ngay từ những tháng đầu năm để BHXH các tỉnh, thành phố chủ động xây dựng, tham mưu, đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm khai thác phát triển đối tượng và đơn đốc thu BHXH, BHYT. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành văn bản hướng dẫn các quy định của pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT; Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ. BHXH các tỉnh, thành phố đã tích cực tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ: Chủ động tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ các sở, ban, ngành tại địa phương để triển khai thực hiện chính sách BHXH, BHYT. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch - Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu; rà soát, đối chiếu với đơn vị đang quản lý để nắm bắt về số đơn vị đang hoạt động; số đơn vị được thành lập mới hoặc giải thể, phá sản; số lao động; tiền lương, phụ cấp của người lao động tại các đơn vị, doanh nghiệp để đơn đốc, vận động đơn vị đăng ký tham gia BHXH, BHYT cho người lao động. Rà soát, đối chiếu dữ liệu do cơ quan thuế cung cấp với dữ liệu quản lý, xác định số lao động phải đóng BHXH bắt buộc, số lao động không phải đóng BHXH bắt buộc, từ đó, xây dựng các giải pháp đơn đốc, phát triển đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện. Thường xuyên cử cán bộ đến các đơn vị sử dụng lao động tuyên truyền và hướng dẫn thủ tục tham gia, thu nộp BHXH, BHYT để chủ sử dụng lao động và người lao động nắm được quyền lợi và nghĩa vụ của mình về BHXH, BHYT. Gửi thông báo (kèm theo danh sách lao động chưa đóng BHXH, BHTN, BHYT) và làm việc trực tiếp với từng đơn vị sử dụng lao động yêu cầu đóng BHXH, BHTN, BHYT đầy đủ cho người lao động. Tăng cường thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm hành chính và thông tin, báo cáo kịp thời tình hình vi phạm pháp luật BHXH, BHTN, BHYT của các đơn vị trên địa bàn để có hướng chỉ đạo giải quyết, xử lý kịp thời. Đồng thời, công khai thông tin về các đơn vị trốn đóng trên các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, truyền hình, báo địa phương và gửi trực tiếp đến tổ chức công đoàn hoặc đại diện người lao động.

Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của BHXH các tỉnh, thành phố, giai đoạn 2016-2020, toàn Ngành phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu thu theo kế hoạch được giao, cụ thể như sau:

1.3.1 Về phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN

a) Tình hình thực hiện qua các năm 2016-2019

- Số người tham gia BHXH bắt buộc tăng từ 12,8 triệu người năm 2016 lên 15,2 triệu người vào năm 2019 (tăng 18,3% so với năm 2016);
- Số người tham gia BHXH tự nguyện tăng từ 204 nghìn người năm 2016 lên 574 nghìn người vào năm 2019 (tăng 181,5% so với năm 2016);
- Số người tham gia BHYT tăng từ 11 triệu người năm 2016 lên 13,3 triệu người vào năm 2019 (tăng 21,4% so với năm 2016);
- Số người tham gia BHTN tăng từ 75,9 triệu người năm 2016 lên 86 triệu người vào năm 2019 (tăng 13,2% so với năm 2016).

Tỷ lệ bao phủ dân số năm 2016 bằng 81,9% dân số tham gia BHYT/79% chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tăng lên 89,3% dân số tham gia BHYT/88,1% chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao năm 2019.

b) Ước thực hiện năm 2020

Dịch bệnh Covid-19 đến nay vẫn diễn biến hết sức phức tạp trong nước cũng như toàn thế giới, làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất của các doanh nghiệp trong đó một số ngành nghề bị ảnh hưởng lớn như: ngành du lịch, dịch vụ, khách sạn, nhà hàng, vận tải hàng không, đường bộ, đường thủy; doanh nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục; sản xuất sản phẩm từ gỗ. Theo đó, người lao động làm việc trong các ngành nghề trên tạm thời mất việc hoặc tạm ngừng việc đóng BHXH bắt buộc (ước tính khoảng 60%-80% người lao động trong các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề). Dự báo, tình hình dịch bệnh Covid-19 sẽ tiếp tục làm ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của nhân dân, vì vậy công tác thu BHXH, BHYT, BHTN sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn do các yếu tố chủ yếu làm giảm số tiền thu hằng tháng của BHXH Việt Nam, cụ thể:

- Do không phát triển được đối tượng vì các doanh nghiệp không mở rộng sản xuất, kinh doanh; nhiều doanh nghiệp phải ngừng sản xuất kinh doanh hoặc giải thể, phá sản.
- Do người lao động phải ngừng việc (chấm dứt HĐLĐ, nghỉ không lương, tạm hoãn HĐLĐ).
- Do các doanh nghiệp được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy định.
- Do các doanh nghiệp gặp khó khăn tiếp tục nợ thêm tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN.

Từ những lý do nêu trên, BHXH Việt Nam dự kiến ước thực hiện đối tượng tham gia BHXH, BHYT năm 2020, cụ thể:

+ Số người tham gia BHXH là **15,820** triệu người, giảm 561 nghìn người (-3,4%) so với dự toán Chính phủ giao đầu năm; đạt tỷ lệ khoảng 32% so với lực lượng lao động trong độ tuổi, giảm 1,5% so với chỉ tiêu phần đầu tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-CP của Chính phủ (33,5%). Trong đó:

Số người tham gia BHXH bắt buộc là **14,924** triệu người, giảm 844 nghìn người (-5,4%) so với dự toán Chính phủ giao đầu năm, tập trung chủ yếu vào 3 khối doanh nghiệp (Khối doanh nghiệp nhà nước giảm 44 nghìn lao động; Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 280 nghìn lao động; Doanh nghiệp ngoài quốc doanh 503 nghìn lao động).

Số người tham gia BHXH tự nguyện là **896** nghìn người, tăng 283 nghìn người (46,1%) so với dự toán Chính phủ giao (Do BHXH Việt Nam triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp tuyên truyền, vận động phát triển người tham gia như: phối hợp với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam tổ chức lễ ra quân “Hưởng ứng Tháng vận động triển khai BHXH toàn dân - Tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện”; tăng cường tổ chức hội nghị khách hàng để phát triển người tham gia; tăng mức thù lao cho đại lý thu để khuyến khích các đại lý thu tích cực tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện; ước tính mỗi tháng phát triển mới được khoảng 40 đến 50 nghìn người tham gia BHXH tự nguyện).

+ Số người tham gia BHTN là **13,314** triệu người, giảm 664 nghìn người (-4,7%) so với dự toán Chính phủ giao đầu năm; đạt tỷ lệ khoảng 27,1% so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

+ Số người tham gia BHYT là **87,785** triệu người, bằng dự toán Chính phủ giao, đạt tỷ lệ 90,7% dân số tham gia BHYT, bằng chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1167/QĐ-TTg.

1.3.2 Về công tác thu BHXH, BHTN, BHYT

a) Tình hình thực hiện qua các năm 2016-2019

Tổng số thu BHXH, BHTN, BHYT tăng từ 256 nghìn tỷ đồng năm 2016 lên 368 nghìn tỷ đồng vào năm 2019 (tăng 43,6% so với năm 2016). Trong đó:

- Số thu BHXH bắt buộc tăng từ 175 nghìn tỷ đồng năm 2016 lên 243 nghìn tỷ đồng vào năm 2019 (tăng 39,2% so với năm 2016);

- Số thu BHXH tự nguyện tăng từ 1,1 nghìn tỷ đồng năm 2016 lên 2,4 nghìn tỷ đồng vào năm 2019 (tăng 114,7% so với năm 2016);

- Số thu BHTN tăng từ 11,8 nghìn tỷ đồng năm 2016 lên 17,4 nghìn tỷ đồng vào năm 2019 (tăng 46,7% so với năm 2016);

- Số thu BHYT tăng từ 69 nghìn tỷ đồng năm 2016 lên 105 nghìn tỷ đồng vào năm 2019 (tăng 52,1% so với năm 2016).

b) Ước thực hiện năm 2020

- Dự kiến tổng số thu BHXH, BHTN, BHYT là 368.912 tỷ đồng, giảm 20.618 tỷ đồng so với dự toán Chính phủ giao (trong đó đã tính toán đầy đủ các yếu tố tác động đến số thu gồm: số người lao động giảm, doanh nghiệp giảm tiền lương đóng BHXH, BHYT, BHTN, Nhà nước không điều chỉnh tăng lương cơ sở).

1.3.3 Về công tác thu hồi nợ

Tích cực tham mưu, chỉ đạo BHXH các tỉnh, thành phố trong công tác thu hồi nợ đọng, như việc thành lập các tổ thu nợ liên ngành đã mang lại hiệu quả cao trong công tác thu nợ; Phối hợp với cơ quan thanh tra và các ngành liên quan hoặc thực hiện thanh tra đột xuất để thanh tra, kiểm tra các đơn vị nợ; Giao chỉ tiêu phần đầu giảm nợ đối với BHXH các tỉnh, thành phố... Tỷ lệ nợ so với số phải thu luôn có chiều hướng giảm, năm sau thấp hơn năm trước, cụ thể: Năm 2016: 4,73%; Năm 2017: 4,2%; Năm 2018: 3,4%; Năm 2019: 2,98%, dự kiến năm 2020: 2,48%.

1.3.4 Công tác cấp sổ BHXH, thẻ BHYT

a) Về công tác cấp sổ BHXH

Năm	Số đối tượng tham gia BHXH (triệu người)	Số người đã được cấp sổ BHXH (triệu người)	Tỷ lệ % số người đã được cấp sổ BHXH trên tổng số đối tượng tham gia
Năm 2016	13,06	12,9	98,8%
Năm 2017	13,82	13,5	97,7%
Năm 2018	14,73	14,62	99,3%
Năm 2019	15,77	15,6	98,9%
Ước đến năm 2020	15,82	15,72	99,4%

b) Về công tác cấp thẻ BHYT

Năm	Dân số (triệu người)	Số người tham gia BHYT (triệu người)	Tỷ lệ % số người đã được cấp thẻ BHYT trên dân số
Năm 2016	92,71	75,92	81,9%
Năm 2017	93,43	81,19	86,9%
Năm 2018	94,34	83,54	88,6%
Năm 2019	96,21	85,95	89,3%
Ước đến năm 2020	96,79	85,64	89,3%

1.3.5 Công tác rà soát, bàn giao sổ BHXH cho người lao động

Sau 2 năm thực hiện rà soát, bàn giao sổ BHXH cho người lao động quản lý (năm 2017 - 2018), BHXH các tỉnh, thành phố đã có nhiều cố gắng tích cực trong công tác tổ chức thực hiện, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của việc rà soát, bàn giao sổ BHXH. Tính đến 31/12/2018, toàn quốc đã hoàn thành theo Kế hoạch số 112/KH-BHXH ngày 10/01/2017 của BHXH Việt Nam về Kế hoạch rà

soát, bàn giao sổ BHXH. Tổng số sổ BHXH đã rà soát, bàn giao cho người lao động đang tham gia BHXH là 13.253.505 sổ BHXH.

1.4. Công tác giải quyết và chi trả chế độ, chính sách BHXH, BHTN

a) Về công tác giải quyết chế độ chính sách cho người lao động đảm bảo đúng quy định của chính sách, thủ tục hành chính được từng bước rút gọn, tạo thuận lợi cho người lao động.

- Từ năm 2016 đến hết năm 2018, ngành BHXH đã giải quyết cho 450.535 người hưởng các chế độ BHXH hàng tháng (trong đó 379.960 người hưởng lương hưu); 2.446.087 người hưởng các chế độ BHXH một lần (trong đó có 2.049.057 người hưởng BHXH một lần); 22.179.420 lượt người hưởng trợ cấp ốm đau; 5.262.006 lượt người hưởng trợ cấp thai sản; 1.037.291 lượt người hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

- Năm 2019 và 2020, ước giải quyết cho 278.748 người hưởng các chế độ BHXH hàng tháng (trong đó 232.957 người hưởng lương hưu); 1.973.048 người hưởng các chế độ BHXH một lần (trong đó có 1.717.969 người hưởng BHXH một lần); 17.548.161 lượt người hưởng trợ cấp ốm đau; 4.009.653 lượt người hưởng trợ cấp thai sản; 762.894 lượt người hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

b) Về công tác chi trả BHXH, BHTN

- BHXH Việt Nam đã ban hành các văn bản hướng dẫn trong công tác chi trả chế độ BHXH, BHTN đảm bảo phù hợp với quy định của Luật BHXH, Luật Việc làm, Luật An toàn vệ sinh lao động đồng thời đáp ứng được việc áp dụng CNTT trong quá trình triển khai nhiệm vụ để từng bước cải cách thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả: Quyết định số 828/QĐ-BHXH ngày 27/5/2016 quy định quản lý chi trả các chế độ BHXH, BHTN; Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 về quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả các chế độ BHXH, BHTN.

- Hàng năm, hệ thống BHXH quản lý và thực hiện chi trả cho khoảng trên 03 triệu người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng; hàng triệu lượt người hưởng trợ cấp một lần, trợ cấp ốm đau, thai sản, nghỉ dưỡng sức. Việc chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH cho người lao động đã đi vào nền nếp, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, đảm bảo an toàn tiền mặt.

- Đến hết năm 2019, toàn Ngành BHXH đang quản lý chi trả cho gần 3,2 triệu người hưởng các chế độ BHXH hàng tháng qua hệ thống bưu điện tại 63/63 tỉnh, thành phố với 11.164 xã, phường với tổng số tiền khoảng trên 13 nghìn tỷ đồng, trong đó: Chi bằng tiền mặt cho khoảng 2,6 triệu người với số tiền khoảng 10,4 nghìn tỷ đồng; Chi qua tài khoản cá nhân cho khoảng 567 nghìn người với số tiền 3,2 nghìn tỷ đồng. Các giải pháp tổ chức chi trả các chế độ BHXH ngày càng được cải tiến như chi trả đến tận nhà đối với người hưởng già yếu, ốm đau đi lại khó

khăn, không ủy quyền cho người thân lĩnh thay được, qua đó đã từng bước tạo được sự hài lòng của người hưởng.

- Trong công tác quản lý người hưởng, đến năm 2019 có 63/63 Bưu điện tỉnh đã ký hợp đồng về quản lý người hưởng với Ủy ban nhân dân các xã để cung cấp thông tin người hưởng khi có biến động thay đổi hoặc giảm chết, chuyển đi. Đối với các xã, phường còn lại cơ quan bưu điện ký hợp đồng với các tổ chức dịch vụ khác như Hội phụ nữ, hội hưu trí hoặc cá nhân trong các Hội phụ nữ, hội hưu trí hoặc làm dân quân tại xã, phường, bố trí cán bộ làm đầu mối phụ trách công tác quản lý người hưởng để phối hợp với cơ quan BHXH.

- Thực hiện Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021, Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam, BHXH Việt Nam đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện và giao chỉ tiêu phần đầu số người, số tiền chi trả qua phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt cho BHXH các tỉnh cụ thể từng năm, từng chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp.

Đến năm 2019, số người hưởng nhận qua tài khoản cá nhân bình quân toàn quốc tại khu vực đô thị đạt 33,8%, tăng 9,76% so với năm 2018, so với mục tiêu đến năm 2021 theo Nghị quyết số 02/NQ-CP đã thực hiện được 67,6% (mục tiêu năm 2021 đạt 50%); số tiền chi qua tài khoản cá nhân ước đạt 34% hoàn thành vượt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 241/QĐ-TTg đến năm 2020 là 20%.

1.5. Công tác thực hiện chính sách khám bệnh, chữa bệnh (KCB) BHYT

Trong giai đoạn 2016 - 2019, quỹ KCB BHYT đã chi trả chi phí KCB cho khoảng 680 triệu lượt KCB của người tham gia BHYT, trong đó năm 2016 là 149,7 triệu lượt (ngoại trú: 135,5 triệu lượt và nội trú: 14,2 triệu lượt); năm 2017 là 169,8 triệu lượt, gia tăng tập trung ở KCB ngoại trú (tăng 14% so với năm 2016 tương ứng 18,8 triệu lượt); năm 2018 là 176,1 triệu lượt, tăng 4% so với năm 2017, trong đó số lượt ngoại trú tăng 3,2%, nội trú tăng 3,7% so với năm 2017 và năm 2019 là 184,5 triệu lượt (ngoại trú: 167,3 triệu lượt và nội trú: 17,2 triệu lượt), gia tăng lớn ở KCB nội trú (tăng 7,5% so với năm 2018 tương ứng 1,2 triệu lượt).

Đến ngày 31/7/2020, Hệ thống thông tin giám định BHYT đã tiếp nhận đề nghị thanh toán của 77,7 triệu lượt KCB BHYT 6 tháng đầu năm 2020 (giảm

khoảng 10,5% so với cùng kỳ năm 2019), với tổng chi KCB đề nghị quỹ BHYT chi trả 46.857 tỷ đồng.

1.6. Công tác giám định, kiểm soát chi phí khám chữa bệnh BHYT; quản lý dược và vật tư y tế

Công tác giám định có vai trò, vị trí rất quan trọng trong quá trình tổ chức thực hiện chế độ KCB BHYT nhằm mục tiêu bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người bệnh và thanh quyết toán chi phí KCB BHYT được thực hiện đúng các quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện, tăng cường hiệu quả sử dụng và nâng cao khả năng cân đối quỹ KCB BHYT.

Một trong những nhiệm vụ của BHXH Việt Nam về công tác KCB BHYT là có trách nhiệm kiểm tra thủ tục, chất lượng KCB BHYT; kiểm tra, đánh giá việc chỉ định điều trị, sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế, dịch vụ kỹ thuật (DVKT) y tế cho người bệnh; kiểm tra, xác định chi phí KCB BHYT, bảo vệ quyền lợi người tham gia BHYT và chống lạm dụng chế độ BHYT. Theo đó, việc thực hiện nội dung kiểm tra thủ tục KCB BHYT và kiểm tra, xác định chi phí KCB BHYT do cán bộ giám định được đào tạo tại nhiều chuyên ngành khác nhau thực hiện. Riêng nội dung kiểm tra, đánh giá việc chỉ định điều trị, sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế, DVKT y tế cho người bệnh sẽ do cán bộ giám định được đào tạo chuyên ngành y, dược thực hiện.

Năm 2016 là năm đổi mới phương thức giám định chi phí KCB BHYT từ hình thức giám định trực tiếp hồ sơ tại cơ sở KCB chuyển sang giám định bằng phương pháp tập trung theo tỷ lệ, giám định trên Hệ thống thông tin giám định BHYT theo đúng quy trình giám định của BHXH Việt Nam. Bước đầu đã thực hiện tốt công tác kiểm soát chi phí KCB, chống lạm dụng, trục lợi, sử dụng an toàn hiệu quả quỹ BHYT, đảm bảo quyền lợi cho người tham gia. Năm 2016 đã từ chối thanh toán chi phí KCB chưa hợp lý năm 2016 (178 tỷ đồng) chiếm 41,02% so với năm 2015 (32 tỷ đồng), 26% so với năm 2014 (47 tỷ đồng). Kiểm tra, từ chối dịch vụ kỹ thuật được thống kê thanh toán nhưng chưa được Bộ Y tế phê duyệt giá hoặc phê duyệt giá vượt khung giá Thông tư số 14/TTLB ngày 30/9/1995, Thông tư số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 26/01/2006. Quản lý chỉ định thanh toán dịch vụ kỹ thuật, giảm chi phí thanh toán và tiết kiệm chi phí quỹ BHYT trong thanh toán xét nghiệm sinh hóa, xét nghiệm phát máu tại Bệnh viện Huyết học và Truyền máu Trung ương; xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng phương pháp tự động hoàn toàn, chỉ định chụp CT32, 64 dãy, Pet CT, MRI, chụp can thiệp tim mạch, chạy thận nhân tạo, HDF online... Phát hiện kịp thời những thuốc có chỉ định rộng rãi tại hồ sơ đăng ký, dễ lạm dụng; phối hợp với cơ sở KCB trong việc thực hiện lựa chọn sử dụng thuốc, đảm bảo hợp lý, hiệu quả. Kịp thời đề xuất Bộ Y tế thanh toán theo điều kiện, tỷ lệ các thuốc: Glutathione, dung

dịch túi ba ngăn, Acid Thiocetic, Galantalin, và các thuốc bổ trợ khác. Riêng Viện Huyết học-Truyền máu TW. Thống nhất với các bệnh viện xây dựng định mức VTYT tái sử dụng, làm cơ sở để Bộ Y tế và BHXH Việt Nam xây dựng chính sách, tiết kiệm cho quỹ BHYT hàng trăm tỷ đồng/năm (riêng Viện tim mạch, Bệnh viện Bạch Mai tiết kiệm gần 80 tỷ đồng/năm).

Từ tháng 3/2017, Hệ thống thông tin giám định BHYT được hoàn thiện, phát triển, cập nhật thường xuyên, nhờ đó đã kịp thời phát hiện các trường hợp lạm dụng quỹ BHYT; yêu cầu, hướng dẫn BHXH các tỉnh, thành phố kiểm tra, giám định lại các khoản chi BHYT. Hệ thống hiện có 192 chức năng thuộc 12 quy trình nghiệp vụ, liên thông quy trình tạm ứng, thanh quyết toán với phần mềm Kế toán tập trung và phần mềm TST, lập báo cáo thẩm định quyết toán toàn Ngành của năm 2018, liên thông dữ liệu với phần mềm TCS để kiểm tra giải quyết chế độ hưởng BHXH (hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về BHXH). Kết nối, liên thông dữ liệu KCB BHYT với tất cả các cơ sở KCB từ tuyến xã đến tuyến Trung ương trên phạm vi toàn quốc, đáp ứng yêu cầu quản lý khám chữa bệnh, kiểm soát thông tuyến, giám định và thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT.

Năm 2017, Hệ thống tiếp nhận dữ liệu 168,89 triệu lượt KCB BHYT, tỷ lệ liên thông trên 95%; năm 2018, tiếp nhận dữ liệu của 176,46 triệu lượt KCB BHYT, tỷ lệ liên thông đạt 98,02%; năm 2019, tiếp nhận dữ liệu của 184,52 triệu lượt KCB BHYT, tỷ lệ liên thông đạt 98,39%. Dữ liệu kết xuất từ Hệ thống được các đơn vị của BHXH Việt Nam chủ động khai thác, phân tích số liệu để thực hiện nghiệp vụ kiểm toán, kiểm tra, thẩm định quyết toán chi KCB BHYT như: năm 2017 từ chối thanh toán 4.896,84 tỷ đồng (trong đó Vụ Thanh tra – Kiểm tra là 335,84 tỷ đồng, Ban Thực hiện chính sách BHYT là 1.977 tỷ đồng), năm 2018 từ chối thanh toán 4.466,45 tỷ đồng (trong đó Vụ Thanh tra - Kiểm tra là 164,65 tỷ đồng, Ban Thực hiện chính sách BHYT là 164,65 tỷ đồng).

Phần mềm giám định đã áp dụng trên 300 quy tắc giám định tự động và cảnh báo về dữ liệu thẻ, mức hưởng, thanh toán dịch vụ y tế. Hệ thống ghi nhận kết quả giám định giảm trừ số chi không hợp lý năm 2017 trên 2.584 tỷ đồng (gấp gần 4 lần khi chưa áp dụng giám định BHYT điện tử), năm 2018 số tiền giảm trừ là 2.268,8 tỷ đồng, năm 2019 số tiền giảm trừ là 1.248,85 tỷ đồng. Phần mềm giám sát cung cấp các chức năng theo dõi, biểu đồ, các báo cáo được tự động cập nhật thường xuyên giúp BHXH Việt Nam và BHXH các tỉnh, thành phố có cái nhìn tổng quan và theo dõi tình hình sử dụng quỹ BHYT, thực hiện dự toán, đánh giá mức độ gia tăng tần suất khám chữa bệnh, chi phí ở từng tuyến, hạng bệnh viện và chi tiết đến từng cơ sở y tế, quản lý cung ứng và thanh toán thuốc ARV; theo dõi sử dụng và điều tiết thuốc đầu thầu tập trung quốc gia... từ đó nhanh chóng phát hiện các biến động diễn ra trong từng thời kỳ ở các cơ sở y tế. Phần mềm còn có

các chức năng cảnh báo trực lợi từ người tham gia BHYT, cơ sở y tế đồng thời thường xuyên cập nhật các yêu cầu kiểm tra, giám sát từ Trung ương đến địa phương.

BHXXH Việt Nam đã tổ chức thí điểm công tác đấu thầu mua thuốc lần 1 đối với 6 thuốc (5 hoạt chất) sử dụng cho năm 2018. Tổng giá trị các mặt hàng thuốc trúng thầu 946,8 tỷ đồng, giảm so với giá thuốc trung bình năm 2017 tại các địa phương 251 tỷ đồng, tương ứng 21,12% (trong đó thuốc biệt dược gốc giảm 13,8%, thuốc Generic giảm 33,3%). Thí điểm lần 2, mua sắm cho năm 2019-2020, có kết quả từ 01/01/2019 gồm 26 thuốc (14 hoạt chất). Tổng giá trị trúng thầu là 10.027,6 tỷ đồng, giảm 22,34% tương ứng 2.868,5 tỷ đồng so với giá trúng thầu bình quân các địa phương trước khi đấu thầu tập trung quốc gia, trong đó Biệt dược gốc giảm 13,19%, Generic giảm 27,47%. Công tác theo dõi, giám sát tình hình thực hiện thỏa thuận khung, hợp đồng mua bán thuốc, yêu cầu các nhà thầu đảm bảo việc cung ứng đầy đủ thuốc cho cơ sở khám chữa bệnh, thực hiện điều tiết số lượng thuốc giữa các cơ sở y tế và các địa phương được thực hiện thường xuyên; Các vướng mắc trong quá trình cung ứng thuốc cơ bản được giải quyết.

1.7. Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

BHXXH Việt Nam thực hiện đẩy mạnh công tác cải cách TTHC, những nỗ lực cắt giảm TTHC của ngành BHXXH đã được cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức chuyên ngành trong nước và ngoài nước đánh giá cao. Kết quả cụ thể đạt được trong giai đoạn 2016-2020 như sau:

a) Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC thuộc thẩm quyền của BHXXH Việt Nam

Về số lượng TTHC: giai đoạn 2016-2020 số TTHC tiếp tục được rà soát, cắt giảm triệt để: từ 32 thủ tục năm 2016 xuống còn 28 thủ tục năm 2017, 2018 và 27 thủ tục năm 2019.

Về thành phần hồ sơ, tiêu thức, quy trình thao tác thực hiện TTHC:

- Giai đoạn 2016-2017 đã giảm 38% thành phần hồ sơ, giảm 42% tiêu thức trên tờ khai, biểu mẫu; giảm 54% quy trình, thao tác thực hiện.

- Giai đoạn 2018 đến tháng 4/2019 đã giảm thêm 24% số biểu mẫu; 29% tiêu thức; 12% quy trình, thao tác thực hiện và 49% thành phần hồ sơ.

b) Thực hiện giao dịch điện tử, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Từ kết quả đã đạt được trong thực hiện thí điểm giao dịch điện tử theo Quyết định số 08/2015/QĐ-TTg ngày 09/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ, để thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu của Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017,

định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, tích cực phối hợp với Vụ BHXH – Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 166/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHTN, BHYT để mở rộng phạm vi thực hiện giao dịch điện tử đối với TTHC trong giải quyết và chi trả các chế độ BHXH, BHTN, BHYT. Triển khai thực hiện Nghị định số 166/2016/NĐ-CP, Ban hành Quy trình giao dịch điện tử đối với 26/28 TTHC lĩnh vực BHXH, BHTN, BHYT áp dụng cho mọi tổ chức, cá nhân. Hiện nay, BHXH Việt Nam đã triển khai thực hiện 18 dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4 trên Cổng Dịch vụ công ngành BHXH; đồng thời, đã thực hiện kết nối, tích hợp, cung cấp 07 dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2019, tham gia xây dựng, trình Chính phủ Đề án “*Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 ngành bảo hiểm và các dịch vụ công trên cơ sở kết nối chia sẻ dữ liệu giữa BHXH Việt Nam và các ngành có liên quan*”, Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1939/QĐ-BHXH ngày 31/12/2019. Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án, BHXH Việt Nam ban hành Kế hoạch số 400/KH-BHXH ngày 12/02/2020 để triển khai thực hiện.

c) Đa dạng phương thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC

Bên cạnh việc tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của cơ quan BHXH, ngành BHXH đã triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (từ năm 2015) và giao dịch điện tử (từ năm 2017). Việc sử dụng dịch vụ bưu chính công ích và đẩy mạnh giao dịch điện tử đã đáp ứng mục tiêu hỗ trợ đơn vị sử dụng lao động trong việc giảm chi phí đi lại, chờ đợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện giao dịch với cơ quan BHXH; giảm hồ sơ tồn đọng tại cơ quan BHXH sau khi được giải quyết; giảm áp lực cho bộ phận một cửa của cơ quan BHXH; Đảm bảo công khai minh bạch các quy định về hồ sơ, quy trình thủ tục. *Theo tính toán, phương thức giao dịch điện tử và qua hệ thống bưu điện đã giúp giảm 16 giờ đi lại, chờ đợi trong việc làm thủ tục tại cơ quan BHXH cho 1 đơn vị trong 1 năm; số lần thực hiện giao dịch đã giảm từ 12 lần/năm xuống còn 01 lần/năm.*

Với những nỗ lực cải cách TTHC trong thời gian qua, BHXH Việt Nam đã giảm số giờ thực hiện TTHC cho người dân và doanh nghiệp từ 335 giờ xuống còn 147 giờ (theo tính toán của Ngân hàng thế giới); Rút ngắn thời gian thực hiện của cơ quan BHXH so với quy định như: thủ tục cấp sổ BHXH mới chỉ còn 05 ngày (Luật BHXH năm 2014 quy định 07 ngày), thủ tục cấp thẻ BHYT mới chỉ còn 03 ngày (Luật BHYT quy định 07 ngày).

d) Triển khai việc theo dõi trực tuyến

Công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại BHXH các tỉnh, thành phố thông qua hệ thống theo dõi trực tuyến. Hệ thống này đã đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2017, qua đó giúp giám sát BHXH tỉnh, thành phố trong việc giải quyết TTHC; kịp thời tham mưu lãnh đạo Ngành xử lý tình trạng giải quyết chậm, muộn hoặc để tồn đọng hồ sơ BHXH, BHYTN, BHYT nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, giảm phiền hà cho tổ chức và cá nhân tham gia BHXH, BHYT.

1.8. Công tác quản lý tài chính

Cơ chế quản lý tài chính của BHXH Việt Nam và chính sách về thu nhập, tiền lương, tiền công ngày càng được hoàn thiện phù hợp với thực tiễn quản lý và quy định của pháp luật, tạo hành lang pháp lý để cơ quan BHXH tổ chức quản lý thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN thuận lợi; đời sống của CBCCVN trong Ngành không ngừng được cải thiện giúp người lao động yên tâm công tác và cống hiến cho sự nghiệp an sinh xã hội của đất nước.

Cơ chế quản lý tài chính của BHXH Việt Nam và chính sách về thu nhập, tiền lương, tiền công của Ngành giai đoạn 2016-2018 thực hiện theo Nghị quyết số 1083/2015/UBTVQH13 ngày 16/12/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chi phí quản lý BHXH, BHTN giai đoạn 2016-2018 và việc ngân sách nhà nước chuyển kinh phí vào quỹ BHXH; Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 15/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 20/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Đến giai đoạn 2019-2020 thực hiện theo Nghị quyết số 528/2018/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 51/2018/QĐ-TTg, Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 20/2016/TT-BTC, Thông tư số 24/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Từ năm 2016 đến nay, cơ chế quản lý tài chính đã hoàn thiện, khắc phục những bất cập của cơ chế tài chính, mức chi phí giai đoạn trước. Mức chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN được tính theo tỷ lệ % trên dự toán thu, chi BHXH, BHTN và dự toán tiền thu đóng BHYT đảm bảo tính khách quan, gắn với thực hiện nhiệm vụ thu, chi quản lý quỹ BHXH, BHYT, BHTN. Cơ chế tài chính giai đoạn này cũng đã quy định đầy đủ hơn các nội dung chi, định mức chi phát sinh trong thực tiễn tạo điều kiện cho BHXH Việt Nam chủ động trong bố trí và sử dụng kinh phí được giao để thực hiện nhiệm vụ đặc biệt là các nhiệm vụ trọng tâm lớn như: ứng dụng CNTT, cải cách TTHC, tuyên truyền phát triển người tham gia BHXH, BHYT, BHTN; tổ chức thu, chi trả các chế độ, đơn độc thu hồi đối với các trường hợp chậm đóng, trốn đóng, chiếm dụng tiền đóng BHXH, BHTN, BHYT; tăng cường cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Ngành đã được quan tâm, tạo cơ chế tài chính đầy đủ, rõ ràng, góp phần tăng nguồn thu cho các quỹ BHXH,

BHYT, BHTN; đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người tham gia và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các quỹ BHXH, BHYT, BHTN.

Mức chi tiền lương từ 2016 đến nay được Ủy ban Thường vụ quốc hội quyết định bằng 1,8 lần so với chế độ tiền lương do nhà nước quy định và được đảm bảo nguồn thực hiện trong tổng mức chi hoạt động BHXH, BHYT, BHTN hàng năm nên Ngành đã chủ động được nguồn kinh phí đảm bảo ổn định thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động.

Hàng năm, BHXH Việt Nam đã bám sát tình hình thực tế để xây dựng dự toán chi BHXH, BHTN, chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN và tổ chức điều hành dự toán đúng với quy định của Luật Ngân sách, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán NSNN, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán NSNN hàng năm.

Giai đoạn 2016-2020, BHXH Việt Nam đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chí định mức phân bổ dự toán chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN đối với BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc BHXH Việt Nam. Các tiêu chí phân bổ được xây dựng khoa học, đúng chế độ chính sách hiện hành, phù hợp với đặc thù của Ngành, giúp cho công tác phân bổ dự toán chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN hàng năm cho các đơn vị trực thuộc thuận lợi, đảm bảo công khai, minh bạch, sát với tình hình thực tế.

Trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước, BHXH Việt Nam đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý và sử dụng các quỹ đối với các đơn vị thuộc hệ thống BHXH Việt Nam (Quyết định số 298/QĐ-BHXH và Quyết định số 299/QĐ-BHXH ngày 25/02/2016) phù hợp với quy mô, hoạt động của Ngành; trong đó quy định rõ thẩm quyền, nội dung chi, định mức chi, quy trình thủ tục, hồ sơ, chứng từ thanh toán làm cơ sở cho việc tổ chức chi tiêu rõ ràng, minh mạch, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Công tác thẩm định, xét duyệt quyết toán và lập báo cáo quyết toán tài chính tại BHXH Việt Nam được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, ngày càng được đổi mới và hoàn thiện, đã phân công phân nhiệm rõ ràng trách nhiệm của từng đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ. Từ năm 2019 đã thực hiện thẩm định, xét duyệt quyết toán trên phần mềm kế toán tập trung, do đó đã rút ngắn thời gian thực hiện.

Hàng năm thực hiện công khai tài chính theo đúng quy định nhằm công khai, minh bạch và sử dụng tài chính có hiệu quả.

1.9. Công tác đánh giá đầu tư công 5 năm 2016-2020 đối với các đơn vị quản lý và các đơn vị đầu tư công.

BHXH Việt Nam đã xây dựng kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 báo cáo Bộ KHĐT, Bộ Tài chính thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ tại Công văn

5444/BHXXH-KHĐT ngày 31/12/2014 và đã được phê duyệt tại các Quyết định Quyết định số 1356/QĐ-TTg ngày 15/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 cho BHXH Việt Nam và Quyết định số 1539/QĐ-KBĐT của Bộ trưởng Bộ KHĐT về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và năm 2018 cho BHXH Việt Nam. Trên cơ sở đó, BHXH Việt Nam tiến hành tổ chức triển khai trong toàn Ngành và đạt được một số kết quả sau:

Thứ nhất, đã xây dựng được hệ thống trụ sở BHXH đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ yêu cầu công tác của ngành góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương; tạo niềm tin của người lao động, của người sử dụng lao động và các đối tượng khác đối với cơ quan BHXH.

Những công trình nói trên đã góp phần giải quyết nhu cầu rất bức thiết về chỗ làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức trong ngành BHXH, phục vụ có hiệu quả các đối tượng tham gia và hưởng các chế độ BHXH. Là địa chỉ đáng tin cậy thu hút các đơn vị sử dụng lao động, các đối tượng tham gia BHXH bắt buộc và tự nguyện, các ban ngành đến làm việc.

Thứ hai, ngành BHXH đã xây dựng được những công trình có chất lượng tốt, có kỹ mỹ thuật được đánh giá cao làm tô điểm những nét đẹp tại các địa phương nơi xây dựng trụ sở. Hầu hết các công trình được BHXH Việt Nam xây dựng đều đảm bảo chất lượng theo đúng quy chuẩn, quy phạm xây dựng. Các mẫu thiết kế được chọn lựa có nhiều nét đẹp vừa truyền thống, vừa hiện đại khi xây dựng phù hợp, hài hoà với môi trường xung quanh nên là điểm nhấn kiến trúc, xây dựng tại các địa phương. Các công trình được lựa chọn, đầu tư khá hoàn chỉnh từ phương án kiến trúc, thiết kế... đã được rút kinh nghiệm các công trình xây dựng trước, lựa chọn chỉ định các vật liệu có phẩm cấp tốt, giá cả hợp lý nên chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật của công trình được đánh giá cao.

BHXH Việt Nam có Công văn riêng báo cáo cụ thể, chi tiết về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

1.10. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin.

Nhiều hoạt động phục vụ định hướng hiện đại hóa ngành BHXH được BHXH Việt Nam triển khai quyết liệt và có hiệu quả như: Triển khai dự án “Hệ thống lưu trữ hồ sơ điện tử ngành BHXH” nhằm số hóa tài liệu lưu trữ của ngành. Triển khai phần mềm giao dịch điện tử trên tất cả các lĩnh vực thu, cấp sổ BHXH, thẻ BHYT; Triển khai Hệ thống Một cửa điện tử tập trung trên cơ sở phần mềm “Tiếp nhận và quản lý hồ sơ” qua đó theo dõi, giám sát tình trạng giải quyết hồ sơ,

kịp thời đơn đốc tiến độ giải quyết TTHC. Điểm nổi bật về ứng dụng CNTT trong thời gian vừa qua đó là: xây dựng và đưa vào sử dụng Hệ thống giao dịch BHXH điện tử để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử của Ngành; Hệ thống kết nối, liên thông giữa cơ quan BHXH và các cơ sở KCB BHYT trên toàn quốc; Hệ thống cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHYT.

BHXH Việt Nam cũng xây dựng hệ thống cấp số định danh và quản lý BHYT hộ gia đình để cập nhật và cấp mã số BHXH cho từng cá nhân, tạo thuận lợi cho người dân giao dịch với bất kỳ cơ quan BHXH nào trên toàn quốc; đồng thời, nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác, phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT...; công khai số máy điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các tổ chức cá nhân về các nội dung liên quan đến chế độ, chính sách, TTHC về BHXH, BHYT; thực hiện có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO; duy trì và củng cố cơ chế “một cửa”, chuyển đổi tác phong làm việc từ hành chính thụ động sang phục vụ. Đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc của các tổ chức, cá nhân, rút ngắn được thời gian giải quyết, hạn chế sự chồng chéo trong quá trình giải quyết công việc.

BHXH Việt Nam tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, cấp độ 4 theo Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ và tổ chức triển khai thực hiện Đề án số 1939/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 ngành bảo hiểm và các dịch vụ công trên cơ sở kết nối chia sẻ dữ liệu giữa BHXH Việt Nam với các ngành liên quan. Tính đến thời điểm hiện tại tại BHXH Việt Nam đã triển khai **19 dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3,4 trong đó có 6 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (chiếm tỉ lệ 33,3%), 13 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (đạt tỉ lệ 66,7%)**. Tích hợp và thực hiện 15 Dịch vụ công của trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia gồm: 10 Dịch vụ công theo Quyết định số 411/QĐ-TTg và 03 Dịch vụ công theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, 01 Dịch vụ thanh toán trực tuyến “Đóng BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN” dành cho đơn vị sử dụng lao động; Đã triển khai 02 thủ tục liên thông với Bộ Tư pháp và Bộ Lao động thương binh và xã hội đối với việc cấp thẻ cho trẻ em dưới 6 tuổi và dịch vụ “Khai báo tình hình sử dụng lao động liên thông với thủ tục đăng ký, điều chỉnh đóng BHXH, BHYT, BHTN”. Các dịch vụ trên đã mang lại tiện ích, tạo thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí khi tham gia, thụ hưởng các chế độ, chính sách BHXH, BHYT, qua đó khuyến khích người dân tích cực tham gia BHXH tự nguyện, BHYT theo hộ gia đình, góp phần hoàn thành mục tiêu BHXH và BHYT toàn dân. Với dịch vụ “Gia hạn thẻ BHYT theo hộ gia đình” và “Đóng

tiếp BHXH tự nguyện” người dân có thể đóng BHXH tự nguyện, gia hạn thẻ BHYT cho bản thân mình và người thân thông qua dịch vụ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng CNTT, hiện đại hóa quản lý BHXH bao phủ hầu hết các hoạt động nghiệp vụ chủ yếu, giúp rút ngắn thời gian giải quyết công việc, giảm bớt được các khâu trung gian và tạo điều kiện để các hoạt động tác nghiệp trở nên nhanh chóng, thuận tiện, chính xác, nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ, viên chức, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người tham gia BHXH, BHYT. Toàn bộ ứng dụng CNTT ngành BHXH đã được triển khai, xây dựng theo Kiến trúc CPĐT của BHXH Việt Nam, phiên bản 1.0, phù hợp với Khung Kiến trúc CPĐT của Việt Nam. Tiếp tục đầu tư đồng bộ trong các hoạt động từ hạ tầng, phần mềm, CSDL và nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT. Trong đó phải kể đến các hoạt động: (1) nâng cấp, xây dựng mới hệ thống phần mềm nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý theo hướng tập trung CSDL tại Trung ương; (2) Hệ thống giao dịch điện tử được tiếp tục hoàn thiện (tin học hóa hầu hết các thủ tục tham gia BHXH, BHYT, BHTN); (3) Tiếp tục triển khai và hoàn thiện phần mềm cấp mã số BHXH và quản lý BHYT hộ gia đình; (4) Tiếp tục triển khai và hoàn thiện hệ thống thông tin giám định BHYT góp phần quan trọng trong việc kiểm soát, giám sát thực hiện các dịch vụ y tế của các cơ sở KCB và người tham gia BHYT; là công cụ hỗ trợ đắc lực để giám sát, cảnh báo những vấn đề bất thường, cung cấp thông tin cho các cơ sở y tế để hoàn thiện và đảm bảo quyền lợi cho người bệnh; (5) Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hạ tầng CNTT; (6) Triển khai kết nối mạng WAN xuyên suốt từ BHXH Việt Nam tới BHXH cấp tỉnh, huyện và (7) Duy trì kết nối với trực tích hợp thông tin Quốc gia và với các Bộ, Ngành có liên quan để tích hợp và trao đổi thông tin trong và ngoài ngành. Ngoài ra, trên nền tảng ứng dụng CNTT những năm vừa qua, ngành đã và đang triển khai xây dựng hệ sinh thái 4.0 Ngành BHXH phục vụ người dân và doanh nghiệp với các dịch vụ: dịch vụ tin nhắn (SMS); dịch vụ thanh toán trực tuyến; Ứng dụng BHXH trên thiết bị di động; hệ thống Chatbot hỗ trợ khách hàng (trả lời chính sách BHXH, BHYT tự động bằng trí tuệ nhân tạo, tăng tính tương tác cao với người tham gia, cung cấp thông tin đóng, hưởng BHXH, BHYT và dự tính mức hưởng nhằm phục vụ người dân tốt hơn); Phân tích, khai thác được lượng dữ liệu khổng lồ của Ngành trên BIGDATA; Thiết lập Fanpage truyền thông trên hệ thống mạng xã hội; cung cấp tất cả các dịch vụ công có thể lên cấp độ 4. Dự kiến công bố chính thức ứng dụng BHXH số trên nền tảng thiết bị di động với tên gọi “VssID” nhằm mục đích thiết lập kênh giao tiếp, tiếp cận thông tin, thực hiện dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức tham gia giao dịch với cơ quan BHXH vào ngày 18/9/2020. Ứng dụng VssID có các tính năng cơ bản như: Sổ BHXH điện tử, Thẻ BHYT điện tử, Sổ khám chữa

bệnh, Sở hưởng lương hưu và trợ cấp BHXH và rất nhiều các tiện ích hữu dụng khác.

1.11. Công tác tổ chức cán bộ

Công tác tổ chức cán bộ tiếp tục được BHXH Việt Nam quan tâm chỉ đạo, trong đó nổi bật là việc tập trung hoàn thiện cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc theo Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH Việt Nam, theo hệ thống dọc, tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Năm 2019, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 856/QĐ-TTg ngày 10/7/2019 phê duyệt Đề án “Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của BHXH Việt Nam theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. BHXH Việt Nam đã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Quyết định số 856/QĐ-BHXH, đã thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo cơ cấu tổ chức mới. Thực hiện rà soát, giảm 65 đầu mối cấp phòng thuộc 63 BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 58 BHXH thành phố, thị xã trực thuộc BHXH cấp tỉnh, nơi có trụ sở BHXH cấp tỉnh đóng trên địa bàn; giảm 06 BHXH cấp huyện thuộc BHXH các tỉnh: Hòa Bình, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Cao Bằng theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính.

Ngày 4/8/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2020/NĐ-CP về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH Việt Nam (Nghị định số 89), trên cơ sở đó BHXH Việt Nam đã ban hành Kế hoạch số 2575/KH-BHXH ngày 12/8/2020 về tổ chức thực hiện Nghị định số 89.

- Xây dựng Kế hoạch, Đề án tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị: Ban hành các văn bản: Kế hoạch số 3213/KH-BHXH ngày 27/8/2015 về việc tinh giản biên chế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; Đề án Tinh giản biên chế của BHXH Việt Nam kèm theo Quyết định số 138/QĐ-BHXH ngày 27/01/2016; Hướng dẫn xây dựng và phê duyệt Đề án tinh giản biên chế của 63 BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công văn số 4511/BHXH-TCCB ngày 31/10/2018 về việc tổ chức thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP... Tính đến 31/12/2019, ngành BHXH đã giảm được 1.104 người so với biên chế được giao năm 2016 (bao gồm: số nghỉ hưu, thôi việc, tinh giản biên chế, ra khỏi hệ thống nhưng không tuyển mới). Từ 01/01/2016 đến 30/6/2020 toàn Ngành đã thực hiện tinh giản biên chế đối với 147 trường hợp, trong đó, thực hiện chính sách về hưu trước tuổi đối với 128 trường hợp, thực hiện chính sách thôi việc ngay đối với 19 trường hợp.

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản hướng dẫn về quản lý, sử dụng công chức, viên chức (CCVC) phù hợp với nội dung mới được sửa đổi, bổ sung trong Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Đề án thí điểm thi tuyển vào các chức danh lãnh đạo, quản lý để có cơ sở tổng kết, đánh giá; rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với CCVC theo hướng khuyến khích CCVC nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm các sai phạm trong tuyển dụng, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ không đúng quy định, kịp thời thay thế CCVC tham nhũng, lãng phí, không đủ điều kiện về đạo đức, năng lực, trình độ. Đẩy mạnh dân chủ hóa công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ CCVC có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới.

1.12. Công tác thanh tra - kiểm tra (TTKT)

Giai đoạn từ 2016-2020 cũng là giai đoạn đầu BHXH Việt Nam thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (TTCN) theo Nghị định số 21/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Trong 05 năm, toàn ngành BHXH đã tiến hành TTKT tại 94.237 đơn vị, số đơn vị TTKT năm sau luôn cao hơn năm trước: Năm 2016 thực hiện TTKT tại 18.732 đơn vị, năm 2017 tại 19.402 đơn vị (bằng 103,6% so với năm 2016), năm 2018 tại 25.343 đơn vị (bằng 130,6% so với năm 2017), năm 2019 tại 28.336 đơn vị (bằng 111,8%) và 6 tháng đầu năm 2020 tại 2.424 đơn vị. Trong đó, số đơn vị được TTCN qua các năm đều tăng cao cả về số lượng lẫn chất lượng (năm 2016, khi bắt đầu thực hiện chức năng TTCN, toàn Ngành thực hiện TTCN tại 1.174 đơn vị, năm 2017 là 4.006 đơn vị, tăng 241%; năm 2019, TTCN tại 9.886 đơn vị, bằng 117% so với năm 2018). Kết quả cụ thể như sau:

a) Công tác thanh tra kiểm tra

Phát hiện 175.999 lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, nhưng chưa tham gia hoặc đóng thiếu thời gian với số tiền phải truy đóng là 523.737 triệu đồng; 184.675 lao động tham gia thiếu mức tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản bổ sung theo quy định, số tiền phải truy đóng là 292.578 triệu đồng. Ban hành 2.402 quyết định xử phạt vi phạm hành chính (VPHC) với số tiền phải thu là 96.808 triệu đồng; số tiền xử phạt đã thu 28.645 triệu đồng, đạt 29,6% Yêu cầu thu hồi về quỹ BHXH số tiền 47.135 triệu đồng do người lao động hưởng chế độ BHXH không đúng quy định. Yêu cầu thu hồi về quỹ BHYT số tiền 743.675 triệu đồng chi phí KCB BHYT không đúng quy định.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao trình độ cán bộ làm công tác TTKT, từ năm 2016 đến nay, BHXH Việt Nam đã phối hợp với Trường Cán bộ thanh tra (thuộc

Thanh tra Chính phủ) đào tạo chứng chỉ thanh tra viên và nghiệp vụ TTCN cho 2.122 lượt cán bộ, CCVC làm công tác TTKT trên toàn quốc. Đồng thời, để nâng cao hiệu quả công tác TTKT, ứng dụng CNTT trong công tác TTKT, BHXH Việt Nam đã ban hành Quyết định số 999/QĐ-BHXH ngày 08/8/2019 đưa phần mềm Quản lý hoạt động TTKT phiên bản 1.0 vào hoạt động, bước đầu đã có những kết quả tích cực.

b) Công tác tiếp công dân (TCD) và giải quyết khiếu nại tố cáo (KNTC)

Trong 05 năm thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2016-2020, toàn Ngành đã tiếp 52.931 lượt công dân. Số lượt TCD của cơ quan BHXH có xu hướng giảm mạnh qua các năm (số lượt TCD năm 2019 giảm 5.921 lượt so với năm 2016, tương đương giảm 38,9%; số lượt TCD 06 tháng đầu năm 2020 giảm 1.235 lượt so với cùng kỳ năm 2019, tương đương giảm 26%); số vụ việc KNTC trực tiếp tại địa điểm TCD chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng số vụ việc TCD của toàn Ngành (số vụ việc khiếu nại chiếm 0,37%, tố cáo chiếm 0,065%). Mọi KNTC, khiếu nại phản ánh (KNPA) của công dân đều được cơ quan BHXH lắng nghe, tiếp nhận, trả lời, giải thích kịp thời, tận tình, thấu đáo, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Nhiều vụ việc phức tạp, công dân từng đến địa điểm TCD của nhiều cấp, nhiều ngành đến nay đã được giải quyết triệt để.

Tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời, dứt điểm, có tình, có lý và đúng theo quy định của pháp luật mọi KNTC, KNPA, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động và người thụ hưởng. Tổng số đơn tiếp nhận của toàn Ngành từ năm 2016 đến hết tháng 6/2020 là 13.702 đơn; trong đó phần lớn đơn tiếp nhận là đơn KNPA (chiếm 87,2%), đơn KNTC chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng số đơn (đơn khiếu nại chiếm 8,4%, đơn tố cáo chiếm 4,4%).

1.13. Hoạt động hội nhập, hợp tác quốc tế

Thực hiện Nghị quyết 22/NQ-TW ngày 10/7/2013 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ về tăng cường hội nhập quốc tế, Thủ tướng Chính phủ đã giao BHXH Việt Nam xây dựng “Chiến lược Hội nhập quốc tế của ngành BHXH đến năm 2020, định hướng 2030”. Năm 2015, BHXH Việt Nam đã xây dựng, lấy ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan liên quan hoàn thành dự thảo Chiến lược và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Chiến lược này là cơ sở pháp lý và định hướng chiến lược cho mọi hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế của ngành BHXH trong thời gian tới, góp phần thực hiện thành công chủ trương hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước.

BHXH Việt Nam đã thúc đẩy toàn diện và mạnh mẽ quá trình hội nhập quốc tế thông qua các hoạt động hợp tác song phương và đa phương. Bên cạnh việc duy trì các hoạt động hợp tác tích cực trong khuôn khổ Hiệp hội an sinh xã hội các nước ASEAN (ASSA) góp phần xây dựng cột trụ văn hóa- xã hội của Cộng đồng

ASEAN, công tác hội nhập quốc tế của BHXH Việt Nam phát triển lên một tầm cao mới, đánh dấu bằng việc tháng 03/2015, BHXH Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Hiệp hội an sinh xã hội quốc tế (ISSA), một diễn đàn an sinh xã hội lớn nhất thế giới với 270 thành viên là các tổ chức an sinh xã hội đến từ 157 quốc gia và vùng lãnh thổ. Bên cạnh đó, BHXH Việt Nam đã từng bước tham gia tích cực vào các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương của Chính phủ, đặc biệt với Lào, NewZeland, Ôxtrâyliia và Hàn Quốc, tạo đà cho BHXH Việt Nam tiếp tục phát triển theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết 28-NQ/TW và hiện thực hóa Chiến lược hội nhập quốc tế của ngành BHXH đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Công tác thông tin đối ngoại (TTĐN) có bước đột phá và đạt được một số kết quả bước đầu quan trọng: thiết lập hệ thống công chức viên chức làm đầu mối công tác TTĐN; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng công tác TTĐN cho cán bộ ngành BHXH từ Trung ương đến địa phương; xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả các kế hoạch TTĐN giai đoạn, hàng năm; kết nối với BHXH các tỉnh, thành phố trong triển khai công tác đối ngoại và TTĐN; tuyên truyền hiệu quả về các sự kiện lớn của Ngành. Áp dụng các hình thức truyền thông đối ngoại hiện đại như truyền thông đa phương tiện, cổng thông tin điện tử phiên bản tiếng Anh.

1.14. Hoạt động đầu tư bảo toàn và tăng trưởng các quỹ BHXH, BHYT, BHTN

- Hoạt động đầu tư quỹ đã đi vào nền nếp, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của các Bộ, ngành và Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam; cơ cấu đầu tư quỹ chuyển dịch theo hướng an toàn (*tăng dần tỷ lệ đầu tư trái phiếu Chính phủ, giảm dần tỷ lệ cho Ngân hàng thương mại nhà nước vay*), hành lang pháp lý và cơ chế hoạt động được hoàn thiện nâng cao chất lượng và hiệu quả theo hướng chuyên nghiệp. Công tác quản lý đầu tư quỹ đã được Kiểm toán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và ghi nhận là an toàn, hiệu quả và có tăng trưởng.

- BHXH Việt Nam đã thành lập đơn vị quản lý đầu tư quỹ độc lập; hàng năm có báo cáo đánh giá trình Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam phê duyệt; tiếp tục kiện toàn tổ chức quản lý hoạt động đầu tư quỹ, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy trình liên quan tới công tác đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, việc đầu tư hiện nay chủ yếu thông qua mua trái phiếu Chính phủ (thời hạn cho vay dài) mà chưa mở rộng đến các hình thức đầu tư trực tiếp có lợi nhuận cao hơn nên chưa tận dụng hết khả năng sinh lời của quỹ.

1.15. Các công tác khác

a) Công tác phòng, chống tham nhũng

Ban hành Kế hoạch thực hiện giai đoạn 3 chiến lược Quốc gia phòng chống tham nhũng (PCTN) đến năm 2020 của hệ thống BHXH kèm theo Quyết định số 117/QĐ-BHXH ngày 19/01/2018 để chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo minh bạch, công khai trong công tác quản lý, điều hành ở các đơn vị; rà soát các vụ việc liên quan đến tiêu cực, tham nhũng để giải quyết kịp thời; việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra và kiến nghị xử lý vi phạm; thông tin, phản ánh về tham nhũng được thực hiện theo đúng quy định.

Thực hiện có hiệu quả chủ trương bố trí, luân chuyển cán bộ từ Trung ương xuống BHXH cấp tỉnh, BHXH cấp huyện và ngược lại, không bố trí, đề bạt, bổ nhiệm những người có quan hệ gia đình cùng làm một số vị trí, công việc, lĩnh vực nhạy cảm dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực.

Nâng cao thái độ phục vụ người dân, đối tượng tham gia và thụ hưởng; Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chấp hành pháp luật trong thực thi công vụ, nhiệm vụ, công bằng, liêm chính: Không lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để mưu lợi cá nhân.

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Chiến lược Quốc gia, Chương trình hành động của Chính phủ về PCTN và các chính sách, pháp luật về PCTN; kiểm soát tài sản, thu nhập; tăng cường công khai, minh bạch trong thực thi công vụ; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác PCTN hàng năm nhằm tăng cường việc thực hiện pháp luật về PCTN của CCVC, người lao động.

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về PCTN, nghiệp vụ tổ chức cán bộ, thanh tra, kiểm tra; tăng cường rèn luyện phẩm chất chính trị, bản lĩnh đạo đức nghề nghiệp đối với CCVC làm công tác cán bộ, công tác thanh tra, kiểm tra. Tiếp tục tăng cường việc kiểm tra, giám sát của các đoàn thể, Ban Thanh tra nhân dân, mở rộng dân chủ; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó có pháp luật về PCTN để CCVC và người lao động hiểu biết về quyền, nghĩa vụ của mình trong việc tham gia kiểm tra, giám sát đối với CCVC chống lãng phí...

b) Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hiện quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) số 44/2014/QH3 ngày 26/11/2013 của Quốc hội khóa 13 và Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật THTK, CLP và Chương trình THTK, CLP hàng năm của Chính phủ, BHXH Việt Nam đã xây dựng Chương trình THTK, CLP để thực hiện trong toàn Ngành. Trong đó, tập trung vào các nội dung tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN và THTK, CLP; phối

hợp xây dựng, triển khai chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN; tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP của ngành; thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP. Đặt ra các mục tiêu cụ thể bao gồm: Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu dự toán năm được Thủ tướng Chính phủ giao về thu, chi, quản lý quỹ BHXH, BHYT, BHTN và phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN; hoàn thành tốt các mục tiêu THTK, CLP trong công tác quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN và phát triển đối tượng, tăng cường các biện pháp nhằm giảm nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN; THTK, CLP trong các lĩnh vực: Thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN; Chi trả BHXH, BHTN, giám sát chặt chẽ chi phí KCB BHYT; Chống lạm dụng quỹ BHYT, đảm bảo quyền lợi cho người tham gia; Quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động BHXH, BHYT, BHTN; Quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển; Mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc; Quản lý đầu tư các quỹ bảo hiểm; Cải cách TTHC và sắp xếp, tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy; Quản lý sử dụng lao động, thời gian lao động. Hằng năm, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, BHXH Việt Nam đều đề ra các giải pháp phù hợp với cơ chế chính sách của Nhà nước, tình hình thực tế triển khai chuyên môn nhiệm vụ của Ngành, yêu cầu của từng đơn vị và tình hình kinh tế, xã hội chung của đất nước.

Hàng năm, BHXH Việt Nam đã báo cáo Bộ Tài chính kết quả THTK, CLP để tổng hợp, báo cáo Chính phủ. Theo đó, công tác THTK, CLP đã được quan tâm, chú trọng tại từng đơn vị gắn với trách nhiệm của người đứng đầu. Toàn Ngành thực hiện nghiêm túc tiết kiệm 10% kinh phí chi thường xuyên trước khi phân bổ dự toán cho các đơn vị để tạo nguồn cải cách tiền lương theo đúng yêu cầu tại Chương trình THTK, CLP của Chính phủ; phân đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu dự toán Thủ tướng Chính phủ giao; kết hợp công tác kiểm tra THTK, CLP cùng với kiểm tra nghiệp vụ của đơn vị, kịp thời ngăn chặn các hành vi lãng phí.

1.16. Đánh giá tình hình thực hiện các Đề án

BHXH Việt Nam báo cáo tình hình thực hiện của 03 đề án theo số thứ tự 119, 120, 121 tại Phụ lục II kèm theo Công văn số 4201/BKHĐT-TH ngày 30/6/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đề cương chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025, cụ thể như sau:

- **Đề án có số thứ tự 119:** “Đánh giá tác động của việc điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đến khả năng cân đối quỹ bảo hiểm y tế”, đã hoàn thành và trình Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 5962/BHXH-CSYT ngày 29/12/2017.

- **Đề án có số thứ tự 120:** “Sổ BHXH, thẻ BHYT điện tử” theo quy định của Luật BHXH năm 2014.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 4173/VPCP-KSTT ngày 8/5/2018: “*Giao BHXH Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cấp, quản lý và sử dụng thẻ BHYT điện tử. Thẻ BHYT phải có gắn chip với giải pháp công nghệ do Việt Nam làm chủ, bảo đảm kết nối, liên thông, tích hợp an toàn và chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương liên quan*” và Công văn số 9321/VPCP-KSTT ngày 27/9/2018 thông báo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam giao: “*BHXH Việt Nam thực hiện việc xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cấp, quản lý và sử dụng thẻ BHYT điện tử theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 4173/VPCP-KSTT ngày 08/5/2018 của Văn phòng Chính phủ, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trong năm 2018*” và “*chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nghiên cứu, tích hợp thông tin về BHXH, BHTN vào thẻ BHYT điện tử dùng chung*”; BHXH Việt Nam đã triển khai và trình Văn phòng Chính phủ tại Tờ trình số 4794/TTr-BHXH ngày 19/11/2018 về việc xây dựng Quyết định cá biệt của Thủ tướng Chính phủ về cấp, quản lý và sử dụng thẻ BHYT điện tử. Ngày 15/01/2019, tại cuộc họp Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã giao Văn phòng Chính phủ tiếp tục chủ trì, phối hợp các Bộ liên quan hoàn thiện dự thảo Quyết định về cấp, quản lý và sử dụng thẻ BHYT điện tử trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thực hiện yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý ngành BHXH, từ ngày 01/8/2017 BHXH Việt Nam đã hoàn thiện cơ sở dữ liệu điện tử về đối tượng tham gia BHXH, BHYT và thực hiện cấp thẻ BHYT theo mã số BHXH duy nhất. Người tham gia có thể tự tra cứu thông tin dữ liệu về quá trình tham gia BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp của mình trên Cổng thông tin BHXH Việt Nam (tại địa chỉ: <http://www.baohiemxahoi.gov.vn>). Các cơ sở KCB BHYT đã thực hiện việc tra cứu thông tin về dữ liệu thẻ BHYT thông qua mã số BHXH và mã vạch BHYT trên Cổng thông tin Giám định BHYT của BHXH Việt Nam. Đến thời điểm hiện nay, toàn bộ hệ thống CNTT (cả phần cứng và phần mềm) của BHXH Việt Nam đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu ứng dụng, quản lý thông tin, dữ liệu điện tử của người tham gia BHXH, BHYT.

Trong khi chờ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, BHXH Việt Nam chủ động xây dựng và hoàn thiện các dự thảo Quyết định quy định về mẫu, quy trình cấp, quản lý thẻ BHYT điện tử để triển khai được ngay khi có văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Ngày 17/9/2020, BHXH Việt Nam đã có Công văn số 2954/BHXH-ST về việc xin ý kiến mẫu thẻ BHYT gửi Bộ Y tế.

- **Đề án có số thứ tự 121:** “Xây dựng mô hình tổ chức BHXH, BHYT, BHTN ở Việt Nam”. Đề nghị đưa ra khỏi Danh mục các chương trình, đề án. Lý do: Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản (số 157/VPCP-KHTH ngày 5/1/2018) đồng ý rút Đề án “Xây dựng mô hình tổ chức BHXH, BHYT, BHTN ở Việt Nam” ra khỏi Danh mục các chương trình, đề án thuộc chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/7/2016 của Chính phủ.

2. Đánh giá về việc tổ chức, phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Ngành trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020.

Trong giai đoạn 5 năm 2016-2020, BHXH Việt Nam đã phối hợp tốt với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan cũng như hướng dẫn, chỉ đạo BHXH các địa phương để hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao. Cụ thể:

2.1. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành và UBND cấp tỉnh chỉ đạo các đơn vị trong Ngành và các sở, ngành liên quan tiến hành nhiều biện pháp như đôn đốc, TTKT, chấn chỉnh các đơn vị có tình né tránh việc tham gia BHXH, BHYT đối với người lao động, đưa danh sách các đơn vị nợ BHXH, BHYT lên các phương tiện thông tin đại chúng, tham mưu với UBND tỉnh thành lập Tổ thu nợ liên ngành và đề nghị không tôn vinh, khen thưởng các đơn vị còn nợ BHXH, BHYT ...

2.2. Trên cơ sở Luật BHXH, BHYT và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật, BHXH Việt Nam ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu quản lý về công tác thu, công tác cấp, quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT và công tác giải quyết chế độ cho đối tượng thụ hưởng. Đồng thời tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc cho BHXH các tỉnh, thành phố trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu giải quyết quyền lợi của người tham gia BHXH, BHYT.

2.3. Thường xuyên chỉ đạo cơ quan BHXH các cấp tăng cường phối hợp với các cơ quan, ban, ngành (như cơ quan đăng ký thành lập, giải thể doanh nghiệp, cơ quan thuế, cơ quan thống kê ...) trong việc quản lý doanh nghiệp và người lao động.

3. Hạn chế và Nguyên nhân.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được như đã nêu ở trên, việc triển khai thực hiện chính sách BHXH, BHYT trong giai đoạn 2016-2020 vẫn còn nhiều vấn đề cần giải quyết để bảo đảm phát triển bền vững, đó là:

- Việc phổ biến, quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về BHXH, BHYT ở một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa sâu rộng, có nơi, có lúc còn chưa được quan tâm đúng mức, thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan.

- Một số nơi, nhận thức về vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền trong việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT chưa thực sự sâu sát dẫn đến hiệu quả trong công tác chỉ đạo chưa cao.

- Công tác quản lý nhà nước về BHXH, BHYT vẫn còn một vài hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, một số văn bản hướng dẫn còn chung chung, chưa cụ thể ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện; tính ổn định của chính sách BHXH chưa cao, một số chế độ thường xuyên thay đổi; công tác thanh tra, kiểm tra còn nhiều bất cập.

- Công tác phối hợp giữa một số ngành có liên quan và địa phương còn thiếu chặt chẽ, chưa tích cực trong việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT dẫn tới tỷ lệ bao phủ BHYT trong một số đối tượng chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

- Công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của ngành BHXH. Tuy nhiên hiện nay, những tác động và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã gây ra không ít khó khăn cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ngành, đặc biệt là công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, cụ thể:

+ Tính đến thời điểm báo cáo, đối tượng tham gia BHXH mới chỉ đạt 32% lực lượng lao động trong độ tuổi; đối tượng tham gia BHTN mới chỉ đạt 27,1% lực lượng lao động tham gia trong độ tuổi. Như vậy, việc phấn đấu hoàn thành mục tiêu phát triển đối tượng theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII đề ra là một thách thức lớn đối với toàn ngành BHXH.

+ Trong bối cảnh tác động của dịch bệnh Covid-19 đã và đang ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các ngành nghề, lĩnh vực, khiến nhiều doanh nghiệp khó khăn vì thiếu nguyên liệu đầu vào hoặc không tiêu thụ được hàng hóa sản xuất ra dẫn đến đóng cửa, xa thải nhân công, làm tăng tỷ lệ lao động thất nghiệp, giảm đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến số tiền thu, tăng số tiền nợ đọng BHXH, BHTN, BHYT mà ngành BHXH đang quản lý.

- Số doanh nghiệp phá sản, ngừng hoạt động có chiều hướng tăng, việc xử lý nợ BHXH, BHYT kéo dài đối với các doanh nghiệp phá sản, giải thể, chủ bỏ trốn vẫn chưa có quy định, hướng dẫn giải quyết của pháp luật.

- Theo quy định của Luật BHXH, chủ hộ kinh doanh cá thể, người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã, không hưởng tiền lương, không thuộc đối tượng tham gia BHXH, do vậy một số chủ hộ kinh doanh cá thể, chủ doanh nghiệp tư nhân không được tham gia BHXH bắt buộc nên cũng không đóng BHXH bắt buộc cho người lao động. Người tham gia BHXH tự nguyện hiện nay

chỉ được hưởng 02 chế độ hưu trí và tử tuất nên chưa thu hút được nhiều đối tượng tham gia.

- Số người đề nghị hưởng BHXH một lần đang có chiều hướng gia tăng do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với người lao động bị mất việc làm để giải quyết khó khăn trước mắt. Việc người lao động rút BHXH một lần rất thiệt thòi về sau.

- Tình trạng chậm đóng, trốn đóng, nợ đọng BHXH, BHTN, BHYT vẫn còn xảy ra ở các địa phương ảnh hưởng đến việc triển khai công tác thu BHXH, BHTN, BHYT toàn Ngành. Một số địa phương phối hợp chưa tốt với cơ quan tài chính trong việc chuyển tiền đóng BHYT cho các đối tượng được NSNN đóng, hỗ trợ đóng.

- Tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ ốm đau, thai sản, quỹ BHTN vẫn còn xảy ra. Tình trạng lạm dụng, trục lợi quỹ BHYT diễn ra khá phức tạp với nhiều hình thức đã được phát hiện như: Cung cấp dịch vụ y tế bởi nhân viên y tế không đủ điều kiện pháp lý (nhằm mục đích để tăng số lượng dịch vụ cung cấp); kê thêm nhiều giường bệnh so với giường kế hoạch được giao để đưa nhiều bệnh nhân vào điều trị nội trú; kéo dài ngày nằm viện; bệnh nhân có bệnh án nội trú nhưng không có mặt; tăng số lượng cung ứng dịch vụ, chỉ định sử dụng dịch vụ quá mức cần thiết; thực hiện dịch vụ kỹ thuật không đảm bảo định mức kinh tế, kỹ thuật theo quy định; thu dụng nhiều người có thẻ BHYT đến cơ sở y tế để cung cấp được nhiều dịch vụ y tế dẫn đến tăng ảo số bệnh nhân BHYT; lợi dụng chính sách thông tuyến, nhiều bệnh nhân đã đi KCB nhiều lần để trục lợi quỹ (tình trạng này cơ bản đã được kiểm soát bởi Hệ thống thông tin giám định BHYT); cho người khác mượn thẻ BHYT để đi KCB...

- Mặc dù công tác quản lý người hưởng BHXH đã được cơ quan Bru điện quan tâm thực hiện với nhiều giải pháp, nhưng tại một số địa phương vẫn còn tình trạng chậm trễ trong việc thông báo cắt giảm đối tượng hưởng BHXH (đối với các trường hợp chết, mất tích, di chuyển đi nơi khác ...) cho cơ quan BHXH dẫn đến phát sinh chi không đúng phải thu hồi hoàn trả quỹ BHXH; việc hướng dẫn, giải đáp thắc mắc đối với người hưởng BHXH về các thủ tục hành chính, chế độ chính sách BHXH của các nhân viên chi trả còn hạn chế do chưa hiểu rõ về chính sách hiện hành.

- Công tác tuyên truyền về chính sách BHXH, BHYT ở một số địa phương còn chưa thực sự quyết liệt, nội dung thông tin tuyên truyền chưa phong phú, hấp dẫn và có chiều sâu. Nhận thức của một số cán bộ, đảng viên và người dân ở vùng sâu, xa, đặc biệt là người lao động trong các khu công nghiệp về BHXH, BHYT còn chưa đầy đủ nên hiệu quả tuyên truyền đạt được chưa cao....

- Công tác kiểm tra giám sát đối với BHXH các tỉnh vẫn còn hạn chế dẫn tới

tình trạng phát sinh ngoài tầm kiểm soát, khi đã xảy ra sự vụ mới biết.

- Công tác thanh tra, kiểm tra đối với các đơn vị nợ đọng, các cơ sở KCB đã được quan tâm, chú trọng. Tuy nhiên, chất lượng kiểm tra của một số đoàn liên ngành còn mang tính hình thức, chất lượng chưa cao.

- Một số cán bộ, viên chức trong công tác chỉ đạo, điều hành còn mang tính hành chính, năng lực chuyên môn nghiệp vụ chưa sâu, lề lối, tác phong làm việc thiếu chuyên nghiệp.

III. Bài học kinh nghiệm

Qua thực tiễn đánh giá, phân tích về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020, BHXH Việt Nam đã rút ra một số bài học kinh nghiệm để tiếp tục triển khai tốt nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 20, Nghị quyết số 28-NQ/TW trong thời tới đó là:

Một là, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và Quốc hội đối với chính sách BHXH, BHYT; tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp cần xác định rõ trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chính sách, chế độ BHXH, BHYT.

Hai là, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách, chế độ về BHXH, BHYT để cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy rõ vai trò, ý nghĩa của BHXH, BHYT trong hệ thống ASXH; quyền lợi và nghĩa vụ của người dân khi tham gia BHXH, BHYT. Phát hiện và biểu dương kịp thời các địa phương, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện tốt, đồng thời phê phán, xử lý nghiêm vi phạm. Chính quyền, cơ quan BHXH và các tổ chức đoàn thể cần chú ý làm tốt công tác vận động nhân dân tham gia BHXH, BHYT.

Ba là, cơ quan BHXH phải luôn chủ động trong công tác tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh để huy động cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc trong việc triển khai thực hiện pháp luật về BHXH, BHYT. Tích cực thực hiện cải cách TTHC trong giải quyết chế độ, chính sách về BHXH, BHYT tạo sự hài lòng cho đối tượng tham gia BHXH, BHYT.

Bốn là, phát triển hệ thống BHXH, BHYT đồng bộ với phát triển các dịch vụ xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người tham gia và thụ hưởng các chế độ BHXH, BHYT. Đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống BHXH, BHYT theo hướng phục vụ chi trả nhanh chóng, kịp thời, bảo đảm quyền lợi người tham gia.

Năm là, Tăng cường công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra giám sát việc chấp hành pháp luật về BHXH, BHYT nhất là chú trọng trong thanh tra, kiểm tra, phối hợp khởi kiện những đơn vị sử dụng lao động để nợ đọng, trốn đóng BHXH cho người lao động.

Sáu là, Quản lý chặt chẽ các nguồn kinh phí; tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đúng quy định các chế độ BHXH, BHTN, BHYT. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ chi phí KCB BHYT tại các cơ sở y tế để quản lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả Quỹ KCB BHYT.

Bảy là, định kỳ thường xuyên phải tiến hành sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết để qua đó kịp thời đề ra những mục tiêu, kế hoạch, lộ trình, giải pháp thực hiện có hiệu quả Nghị quyết cho những năm tiếp theo; nêu gương, khen thưởng những tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu, đồng thời nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời những tổ chức, đơn vị, cá nhân chưa thực hiện tốt công tác BHXH, BHYT.

Tám là, nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức; đổi mới tác phong, lề lối làm việc và phong cách phục vụ đối tượng; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thực hiện có hiệu quả cải cách hành chính, tập trung vào việc đơn giản hóa các TTHC, tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Chín là, đẩy mạnh cải tiến các quy trình nghiệp vụ, tăng cường sử dụng, thuê khoán các dịch vụ công để tổ chức thực hiện một phần nhiệm vụ chuyên môn của Ngành; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng hệ thống BHXH hiện đại, chuyên nghiệp và hiệu quả, phục vụ tốt người tham gia và thụ hưởng các chế độ BHXH, BHTN, BHYT.

PHẦN II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

5 NĂM 2021-2025

I. Dự báo các yếu tố tác động đến Kế hoạch thực hiện chính sách BHXH, BHTN, BHYT 5 năm 2021-2025

- Trong giai đoạn tới, tình hình thế giới tiếp tục phức tạp, khó lường trong khi đó kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững. Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng già hóa dân số nhanh chóng, tốc độ tăng dân số ngày càng thấp. Đồng thời, đại dịch Covid-19 vẫn còn tiếp diễn và những tác động tích cực của đại dịch đến mọi mặt của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người lao động hết sức nặng nề. Đây là những khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính sách BHXH, BHTN, BHYT 5 năm 2021-2025.

- Ngành BHXH luôn chủ động, tích cực tham gia, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hoàn thiện nhiều dự luật trong trọng trình Quốc hội thông qua, làm

hành lang pháp lý trong thực hiện có hiệu quả chính sách, pháp luật BHXH, BHYT như: Luật BHXH, Luật BHYT, Luật Việt Lâm, Luật an toàn, vệ sinh lao động...

II. Mục tiêu phát triển ngành BHXH

1. Mục tiêu chung

Thực hiện tốt các chính sách, chế độ BHXH, BHTN, BHYT; tăng nhanh đối tượng tham gia BHXH, BHYT, nhất là đối tượng tự nguyện; phấn đấu thực hiện BHXH cho mọi người lao động và BHYT toàn dân; sử dụng, quản lý quỹ BHXH, BHYT đảm bảo an toàn, hiệu quả. Xây dựng ngành BHXH theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

2. Mục tiêu cụ thể

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 tại Hội nghị lần thứ sáu của Ban chấp hành Trung ương; Nghị quyết số 28-NQ/TW tại Hội nghị lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết số 125/NQ-Cp ngày 8/10/2018 của Chính phủ về việc ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

3. Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025

3.1. Các căn cứ xây dựng kế hoạch

a) Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030.

b) Các văn kiện, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển KTXH.

c) Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Luật BHXH số 58/2014/QH13; Luật BHYT số 25/2008/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT số 46/2014/QH13; Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13; Luật Việc làm số 38/2013/QH13; Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13; Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13.

d) Các chỉ tiêu về BHXH, BHTN, BHYT được giao tại các văn bản: Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Bộ Chính trị về cải cách chính sách BHXH; Quyết định số 856/QĐ-TTg ngày 10/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của BHXH Việt Nam theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả".

e) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Bộ Chính trị về cải cách chính sách tiền lương.

g) Tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 nêu tại mục I trên đây.

h) Dự báo tình hình kinh tế thế giới, tình hình kinh tế trong nước trong giai đoạn tới.

i) Mục tiêu phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của cả nước nêu tại Chỉ thị số 18/CT-TTg.

k) Các Chương trình hành động, Kế hoạch hành động của Ngành.

3.2. Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch

Với mục tiêu phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu nêu tại các Nghị quyết của Ban chấp hành TW, căn cứ các chính sách, chế độ hiện hành và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch các năm 2016-2019 và ước tình hình thực hiện dự toán thu, chi năm 2020, BHXH Việt Nam dự kiến xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025 như sau:

3.2.1. Dự kiến kế hoạch phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN và số thu BHXH, BHYT, BHTN

3.2.1.1. Đối tượng tham gia

a) Dự kiến năm 2021

- Số người tham gia BHXH là **17,434** triệu người, tăng 1,614 triệu người (10,2%) so với ước thực hiện năm 2020, đạt tỷ lệ 35% so với lực lượng lao động trong độ tuổi, bằng chỉ tiêu phấn đấu tại Nghị quyết số 28-NQ/TW, trong đó:

+ BHXH bắt buộc 15,731 triệu người, tăng 807 nghìn người (5,4%) so với ước thực hiện năm 2020.

+ BHXH tự nguyện 1,703 triệu người, tăng 807 nghìn người (90%) so với ước thực hiện năm 2020.

- Số người tham gia BHTN là **14,136** triệu người, tăng 822 nghìn người (6,2%) so với ước thực hiện năm 2020, đạt tỷ lệ 28,4% so với lực lượng lao động trong độ tuổi, cao hơn 0,4% so với chỉ tiêu phấn đấu tại Nghị quyết số 28-NQ/TW.

- Số người tham gia BHYT là **89,668** triệu người, tăng 1,883 triệu người (2,1%) so với ước thực hiện năm 2020. Đạt tỷ lệ 91,9% dân số tham gia BHYT.

b) Ước đến năm 2025

- Số người tham gia BHXH là **23,175** triệu người, tăng 1,624 triệu người (7,5%) so với ước thực hiện năm 2024, **đạt tỷ lệ 45% so với lực lượng lao động trong độ tuổi, bằng chỉ tiêu phấn đấu tại Nghị quyết số 28-NQ/TW**, trong đó:

+ BHXH bắt buộc 19,553 triệu người, tăng 1,071 triệu người (5,8%) so với ước thực hiện năm 2024.

+ BHXH tự nguyện 3,622 triệu người, tăng 553 nghìn người (18%) so với ước thực hiện năm 2024.

- Số người tham gia BHTN là **18,010** triệu người, tăng 1,804 triệu người (6,4%) so với ước thực hiện năm 2024, **đạt tỷ lệ 35% so với lực lượng lao động trong độ tuổi, bằng chỉ tiêu phấn đấu tại Nghị quyết số 28-NQ/TW.**

- Số người tham gia BHYT là **95,917** triệu người, tăng 1,810 triệu người (1,9%) so với ước thực hiện năm 2024. **Đạt tỷ lệ 95% dân số tham gia BHYT, bằng chỉ tiêu phấn đấu tại Nghị quyết số 20-NQ/TW.**

3.2.1.2. Số thu

- Dự kiến năm 2021: Tổng số thu BHXH, BHYT, BHTN là **392.848** tỷ đồng, tăng 23.936 tỷ đồng (6,4%) so với ước thực hiện năm 2020. Trong đó: BHXH bắt buộc: 258.305 tỷ đồng, BHXH tự nguyện: 5.788 tỷ đồng, BH thất nghiệp: 18.280 tỷ đồng, BHYT: 109.862 tỷ đồng, lãi chậm đóng: 614 tỷ đồng.

- Ước đến năm 2025: Tổng số thu BHXH, BHYT, BHTN là **598.766** tỷ đồng, tăng 55.361 tỷ đồng (10,2%) so với ước thực hiện năm 2024. Trong đó: BHXH bắt buộc: 409.816 tỷ đồng, BHXH tự nguyện: 19.056 tỷ đồng, BH thất nghiệp: 30.248 tỷ đồng, BHYT: 139.007 tỷ đồng, lãi chậm đóng: 639 tỷ đồng.

3.2.2. Dự kiến đối tượng hưởng các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và số chi trả các chế độ BHXH, BHYT, BHTN

3.2.2.1. Chi từ nguồn Ngân sách nhà nước đảm bảo

Tổng số người hưởng chế độ BHXH hàng tháng 2021 ước 1.087.707 người, năm 2025 là 971.859 người, đối tượng giảm bình quân 2,13%/năm; số chi ước năm 2021 là 46.063 tỷ đồng, năm 2025 là 40.229 tỷ đồng, số chi giảm bình quân tương ứng 1.465 tỷ đồng/ năm.

3.2.2.2. Chi từ nguồn quỹ BHXH bảo đảm

Tổng số chi quỹ BHXH ước năm 2021 là 210.472 tỷ đồng, năm 2025 là 240.009 tỷ đồng (số chi tăng bình quân tỷ đồng/năm tương ứng 3,51%/năm), gồm:

a) Chi từ Quỹ hưu trí, tử tuất

+ Tổng số người hưởng chế độ BHXH hàng tháng ước năm 2021 là 2.169.839 người, năm 2025 là 2.671.375 người (số đối tượng tăng bình quân 4,62%/năm).

+ Số chi ước năm 2021 là 173.980 tỷ đồng, năm 2025 là 203.341 tỷ đồng (tăng bình quân 5.872 tỷ đồng/năm, tương ứng 2,89%/năm).

b) Chi từ Quỹ TNLĐ-BNN

+ Dự kiến tổng số người hưởng chế độ TNLĐ-BNN hàng tháng năm 2021 là 53.191 người, năm 2025 là 66.859 người (số đối tượng tăng bình quân 6,42%/năm).

+ Số chi ước năm 2021 là 1.466 tỷ đồng, năm 2025 là 1.642 tỷ đồng (tăng bình quân 176 tỷ đồng/năm, tương ứng 3,01%/năm).

c) Chi từ Quỹ ốm đau, thai sản ước mỗi năm khoảng 35.025 tỷ đồng.

3.2.2.3 Chi từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp

+ Dự kiến tổng số lượt người hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp năm 2021 là 1.027.055 lượt người, năm 2025 là 1.247.633 lượt người.

+ Số chi ước năm 2021 là 21.722 tỷ đồng, năm 2025 là 31.644 tỷ đồng (tăng bình quân 1.984 tỷ đồng/năm, tương ứng 9,14%/năm).

3.2.2.4 Chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT

- Dự kiến tổng số lượt người năm 2021 là 196 triệu lượt, năm 2025 là 206,7 triệu lượt (số lượt tăng bình quân 1,09%/năm).

- Số chi KCB BHYT ước năm 2021 là 109.048 tỷ đồng, năm 2025 là 116.006 tỷ đồng (dự kiến tăng 1,6%/năm).

III. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1. Tiếp tục bám sát các nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết số 21-NQ/TW, Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết số 102/NQ-CP, Nghị quyết số 28-NQ/TW, Nghị quyết 125, Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 26/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH và Nghị quyết số 01/NQ-CP hàng năm của Thủ tướng Chính phủ.

2. Toàn ngành BHXH chủ động, nỗ lực, quyết tâm thực hiện nhiệm vụ được giao, tìm ra các giải pháp phát triển và mở rộng đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT hoàn thành chỉ tiêu bao phủ được Thủ tướng Chính phủ giao; giải quyết, chi trả kịp thời các quyền lợi về BHXH, BHTN, BHYT cho người tham gia. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành BHXH, BHTN, BHYT theo quy định của pháp luật trong đó tập trung thanh tra, kiểm tra giảm nợ đọng và trụ lợi, lạm dụng quỹ KCB BHYT.

3. Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Ban Bí thư tại Công văn số 79-CV/TW ngày 29/1/2020 và các Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 28/1/2020, Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 31/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phòng chống dịch bệnh Covid-19; Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19; quán triệt công chức, viên chức và người lao động trong toàn Ngành thực hiện các biện pháp phòng, chống và chấp hành chỉ đạo của từng địa phương nơi xảy ra dịch Covid-19.

4. Tiếp tục đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chi trả các chế độ BHXH, BHTN và quản lý người hưởng, góp phần nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ, đảm bảo quyền lợi và tăng mức độ hài lòng của người tham gia BHXH, cụ thể:

5. Nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng sự hài lòng của người dân, tổ chức và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của Ngành BHXH. Thực hiện tốt việc hỗ trợ, tư vấn, giải đáp chính sách cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân về BHXH, BHYT, BHTN thông qua Hệ thống chăm sóc khách hàng.

6. Triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 4/8/2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH Việt Nam theo các nội dung đã xây dựng tại Kế hoạch số 2575/KH-BHXH ngày 12/8/2020 của BHXH Việt Nam về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 89/2020/NĐ-CP Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH Việt Nam, cụ thể:

7. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, triển khai thực hiện hệ thống tương tác đa phương tiện giữa người dân và doanh nghiệp, mở rộng cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên các lĩnh vực; đẩy mạnh việc giao dịch điện tử; quản lý và sử dụng văn bản điện tử trong hệ thống cơ quan BHXH và trên trục liên thông của Chính phủ.

8. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng; hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ; các phần mềm nghiệp vụ của Ngành; cập nhật hoàn thiện dữ liệu hộ gia đình, cấp mã số BHXH cho người tham gia; hoàn thiện các quy tắc quản lý, khai thác, phân cấp sử dụng các phần mềm nghiệp vụ của Ngành; hoàn thiện hệ thống kho dữ liệu ngành phục vụ công tác nghiên cứu, dự báo phục vụ cho việc hỗ trợ ra quyết định, xây dựng các kế hoạch, chiến lược của ngành BHXH; tiếp tục kết nối liên thông, cung cấp các dịch vụ công của Ngành trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng quản lý, khai thác, sử dụng các phần mềm nghiệp vụ cho công chức, viên chức trong Ngành.

9. Tiếp tục thực hiện Chiến lược hội nhập quốc tế của Ngành BHXH đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 20/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, tăng cường hội nhập quốc tế, đẩy mạnh thực hiện công tác thông tin đối ngoại nhằm khẳng định vai trò, vị thế và hình ảnh Ngành BHXH là bạn, đối tác tin cậy, có trách nhiệm của cộng đồng an sinh xã hội khu vực và thế giới, hướng tới sự chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo vì mục tiêu sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp và phát triển sự nghiệp an sinh xã hội bền vững, hiệu quả tại Việt Nam.

10. Tăng cường chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, BHXH các tỉnh, thành phố nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính; chất lượng, tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức; tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các đơn vị cho phù hợp với yêu cầu; đánh giá viên chức, người lao động trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ và ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương công tác.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 đề ra, Bảo hiểm xã hội Việt Nam triển khai xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của Ngành BHXH và hướng dẫn tổ chức thực hiện trong toàn Ngành.

Trên đây là Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 của BHXH Việt Nam, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chính phủ. *hm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Các đơn vị: TST, TCKT, CSYT, CSXH, ĐTQ, TCCB;
- BHXH các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, KHĐT (03b). *hm*

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Mạnh

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

**PHỤ LỤC HỆ THỐNG BIỂU MẪU
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số 3353/KH-BHXH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của BHXH Việt Nam) *lân*

TT	Tên biểu	Nội dung	Đơn vị thực hiện
1	Biểu mẫu số 1	Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020	Vụ KHĐT
2	Biểu mẫu số 2	Một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025	Vụ KHĐT
3	Biểu mẫu số 3	Đối tượng tham gia và số thu BHXH, BHYT, BHTN 5 năm 2016 - 2020	Ban Thu
4	Biểu mẫu số 4	Đối tượng tham gia và số thu BHXH, BHYT, BHTN 5 năm 2021 - 2025	Ban Thu
5	Biểu mẫu số 5	Tình hình chậm đóng, nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN 5 năm 2016 - 2020	Ban Thu
6	Biểu mẫu số 6	Chi các chế độ BHXH, BHYT, BHTN năm 2016 - 2025	Vụ TCKT và các đơn vị liên quan
7	Biểu mẫu số 7	Đối tượng hưởng các chế độ BHXH, BHYT, BHTN năm 2016 - 2025	Vụ TCKT và các đơn vị liên quan
8	Biểu mẫu số 8	Đầu tư tăng trưởng các quỹ bảo hiểm năm 2016 - 2025	Vụ Quản lý Đầu tư quỹ



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 2016 - 2020

(Kèm theo Kế hoạch số 3353 /KH-BHXH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của BHXH Việt Nam)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016 - 2020	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm 2020
A	B	C	1	2	3	4	5	
I	Các chỉ tiêu về dân số							
1	Dân số	Người	96.180.083	92.706.510	93.433.261	94.342.043	96.208.984	96.786.238
2	Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	Người		47.500.000	47.705.200	48.460.000	48.800.083	49.360.981
II	Tỷ lệ người dân tham gia							
1	Bảo hiểm xã hội							
a	Số người tham gia	Người	15.883.000	13.055.704	13.820.389	14.732.259	15.771.177	15.819.945
b	Tỷ lệ so với lực lượng lao động	%	26,2%	27,5%	29,0%	30,4%	32,3%	32,0%
2	Bảo hiểm y tế							
a	Số người tham gia	Người	78.104.000	75.915.155	81.188.991	83.540.469	85.637.331	87.785.204
b	Tỷ lệ so với dân số	%	81,2%	81,9%	86,9%	88,6%	89,0%	90,7%
3	Bảo hiểm thất nghiệp							
a	Số người tham gia	Người	12.219.000	11.060.178	11.538.854	12.643.135	13.513.906	13.313.642
b	Tỷ lệ so với lực lượng lao động trong độ tuổi LĐ	%	20,1%	23,3%	24,2%	26,1%	27,7%	27,0%
III	Đối tượng được hưởng các chế độ							
1	Bảo hiểm xã hội							
a	Số người được hưởng hàng tháng	Người	3.535.000	2.910.120	3.026.266	3.097.877	3.161.648	3.232.457
b	Số lượt người được hưởng trợ cấp 1 lần	Lượt người	1.214.000	647.897	717.937	815.505	906.237	986.160
2	Số lượt người khám, chữa bệnh BHYT	Lượt người	170.267.058	149.704.802	168.150.145	176.116.787	184.500.000	171.053.240
3	Số lượt người hưởng BHTN	Lượt người	871.527	586.254	690.940	746.099	896.921	1.004.729



MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 3353 /KH-BHXH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của BHXH Việt Nam) *ĐW*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016 - 2020	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6
I	Các chỉ tiêu về dân số							
1	Dân số	Người	96.786.238	97.608.921	98.438.597	99.275.325	100.119.165	100.970.178
2	LLLD trong độ tuổi lao động	Người	49.360.981	49.780.550	50.203.684	50.630.416	51.060.774	51.494.791
II	Tỷ lệ người dân tham gia							
1	Bảo hiểm xã hội							
a	Số người tham gia	Người	15.819.945	17.434.065	18.692.113	20.047.158	21.550.964	23.175.298
b	Tỷ lệ so với LLLĐ trong độ tuổi lao động	%	32,0%	35,0%	37,2%	39,6%	42,2%	45,0%
2	Bảo hiểm y tế							
a	Số người tham gia	Người	87.785.204	89.668.106	91.061.289	92.468.425	94.106.447	95.917.266
b	Tỷ lệ so với dân số	%	90,7%	91,9%	92,5%	93,1%	94,0%	95,0%
3	Bảo hiểm thất nghiệp							
a	Số người tham gia	Người	13.313.642	14.136.087	15.002.660	15.933.000	16.926.098	18.010.022
b	Tỷ lệ so với LLLĐ trong độ tuổi lao động	%	27,0%	28,4%	29,9%	31,5%	33,1%	35,0%
III	Đối tượng được hưởng các chế độ							
1	Bảo hiểm xã hội							
a	Số người được hưởng hàng tháng	Người	3.232.457	3.310.737	3.397.016	3.491.868	3.595.968	3.710.093
b	Số lượt người được hưởng trợ cấp 1 lần	Lượt người	986.160	1.113.930	1.112.526	1.112.526	1.112.526	1.112.526
2	Số lượt người khám, chữa bệnh BHYT	Lượt người	171.053.240	196.107.033	198.419.101	200.923.127	203.878.672	206.707.260
3	Số lượt người hưởng BHTN	Lượt người	1.004.729	1.027.055	1.131.485	1.247.633	1.247.633	1.247.633
IV	Số giờ nộp BHXH	Giờ						100

**ĐỐI TƯỢNG THAM GIA VÀ SỐ THU BHXH, BHYT, BHTN 5 NĂM 2016 - 2020**(Kèm theo Kế hoạch số 3353 /KH-BHXH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của BHXH Việt Nam)

TT	Loại hình	Đối tượng tham gia (nghìn người)					Số thu (tỷ đồng)				
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ước năm 2020	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ước năm 2020
A	B	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG						256.391	291.556	331.974	368.241	368.912
I	Bảo hiểm xã hội bắt buộc	12.852	13.596	14.455	15.200	14.924	174.503	195.199	221.796	243.982	244.340
1	HCSN, Đảng, ĐT, LLVT	3.730	3.710	3.738	3.684		50.781	53.313	58.182	56.641	
2	Xã, phường, thị trấn	260	230	229	226		2.458	2.511	2.774	2.722	
3	Ngoài công lập	108	111	119	126		1.180	1.321	1.475	1.672	
4	DN Nhà nước	1.073	1.042	999	961		15.949	17.680	18.167	18.640	
5	DN có vốn NN	3.747	4.130	4.403	4.736		56.649	65.026	74.114	83.375	
6	Doanh nghiệp NQD	3.769	4.167	4.720	5.207		46.369	54.020	65.628	78.919	
7	Lao động có thời hạn ở nước ngoài	5	5	7	8		67	82	127	77	
8	Cán bộ không chuyên trách cấp xã	89	137	133	120		258	498	504	527	
9	Tổ chức nước ngoài, quốc tế (LĐ NN)	6	0	-	-		90	0	1	-	
10	Hợp tác xã	45	43	43	43		499	527	569	602	
11	Hội nghề nghiệp, tổ hợp tác	21	21	20	21		202	218	204	237	
12	Tổ chức, cá nhân khác	-	-	6	1		-	-	28	7	
13	Phu nhân, phu quân	0	0	0	0		3	2	2	1	
14	Đối tượng tự đóng	-	-	-	-		-	-	-	-	
15	Người nước ngoài	-	-	37	68		-	-	22	562	
II	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	204	224	277	571	896	1.108	1.194	1.288	2.379	3.104
III	Bảo hiểm thất nghiệp	11.060	11.539	12.643	13.514	13.314	11.861	13.589	15.573	17.405	16.718
IV	Bảo hiểm y tế	75.915	81.189	83.540	85.637	87.785	68.918	81.574	93.318	103.868	104.142
A	Người lao động, người sử dụng lao động đóng	11.865	12.595	13.449	14.118		28.329	32.281	39.822	41.412	
B	Nhóm do tổ chức BHXH đóng	3.181	3.047	3.254	3.248		6.150	6.804	7.593	7.958	
C	Nhóm do NSNN đóng	34.338	34.215	33.657	33.438		20.603	25.190	25.239	30.066	
D	Nhóm được NSNN hỗ trợ	15.161	16.567	17.334	17.590		8.595	10.140	11.687	13.601	
E	Nhóm tham gia theo hộ gia đình	11.371	14.765	15.847	17.552		5.242	7.159	8.976	11.769	
V	Lãi chậm đóng									608	608

**ĐỐI TƯỢNG THAM GIA VÀ SỐ THU BHXH, BHYT, BHTN 5 NĂM 2021 - 2025**(Kèm theo Kế hoạch số 3353/KH-BHXH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của BHXH Việt Nam) *Nhm*

TT	Loại hình	Đối tượng tham gia (nghìn người)					Số thu (tỷ đồng)				
		Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng	91.371	93.191	95.025	97.175	99.539	392.848	441.472	491.744	543.405	598.766
I	Bảo hiểm xã hội	17.434	18.692	20.047	21.551	23.175	264.092	303.229	343.316	384.623	428.872
1	Bảo hiểm xã hội bắt buộc	15.731	16.562	17.490	18.482	19.553	258.305	293.791	331.209	369.361	409.816
2	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	1.703	2.130	2.557	3.069	3.622	5.788	9.438	12.107	15.262	19.056
II	Bảo hiểm thất nghiệp	14.136	15.003	15.933	16.926	18.010	18.280	21.110	24.071	27.069	30.248
III	Bảo hiểm y tế	89.668	91.061	92.468	94.106	95.917	109.862	116.514	123.731	131.080	139.007
IV	Lãi chậm đóng						614	620	626	633	639

**TÌNH HÌNH CHẠM ĐÓNG, NỢ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN 5 NĂM 2016 - 2020**(Kèm theo Kế hoạch số 3353/KH-BHXH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của BHXH Việt Nam) *ba*

TT	Loại hình	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020 (ước)	
		Số nợ (tỷ đồng)	Tỷ lệ % so số phải thu	Số nợ (tỷ đồng)	Tỷ lệ % so số phải thu	Số nợ (tỷ đồng)	Tỷ lệ % so số phải thu	Số nợ (tỷ đồng)	Tỷ lệ % so số phải thu	Số nợ (tỷ đồng)	Tỷ lệ % so số phải thu
	Tổng cộng	12.885	4,73	12.909	4,20	11.842	3,40	11.316	2,98	-	2,48
I	Bảo hiểm xã hội bắt buộc	9.532	5,15	9.735	4,69	9.764	4,19	9.432	3,70		
II	Bảo hiểm thất nghiệp	340	2,79	343	2,46	336	2,11	346	1,95		
III	Bảo hiểm y tế	3.013	4,00	2.831	3,29	1.743	1,83	1.538	1,45		



SƠ CHÍ CÁC CHẾ ĐỘ BHXH, BHYT, BHTN NĂM 2016 - 2025
 (Kèm theo Kế hoạch số 353/KH-BHXH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của BHXH Việt Nam) *lin*

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	LOẠI CHẾ ĐỘ	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
	Tổng						400.833	412.821	426.786	434.607	442.974
I	Nguồn NSNN	44.048	44.252	45.790	47.261	47.480	46.063	44.513	43.032	41.605	40.229
II	Nguồn quỹ BHXH	117.439	133.574	155.878	178.495	198.427	210.472	217.257	224.423	231.996	240.009
1	Quỹ Hưu trí tử tuất	96.908	109.775	128.871	147.105	165.277	173.980	180.726	187.848	195.376	203.341
2	Quỹ Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	555	632	742	850	1.400	1.466	1.506	1.549	1.595	1.642
3	Quỹ Ốm đau, thai sản	19.976	23.167	26.265	30.540	31.750	35.025	35.025	35.025	35.025	35.025
III	Nguồn quỹ BHTN	5.745	7.935	10.101	12.635	18.852	21.722	26.198	31.644	31.644	31.644
IV	Chi khám chữa bệnh BHYT	68.575	88.463	96.034	108.142	103.063	109.048	110.852	112.601	114.276	116.006



ĐỘI TƯ LỆNH QUẢN LÝ CÁC CHẾ ĐỘ BHXH, BHYT, BHTN NĂM 2016 - 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 3253/KH-BHXH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của BHXH Việt Nam)

TT	LOẠI CHẾ ĐỘ	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
I	Nguồn NSNN											
1	Chi BHXH hàng tháng	Người	1.254.779	1.221.511	1.185.974	1.152.052	1.119.315	1.087.707	1.057.203	1.027.751	999.315	971.859
2	Chi BHXH 1 lần	Người	50.770	53.467	58.416	58.030	59.124	59.484	58.080	58.080	58.080	58.080
II	Nguồn quỹ BHXH											
1	Quỹ Hưu trí từ thuế											
	Chi hàng tháng	Người	1.615.332	1.762.290	1.867.095	1.962.153	2.062.907	2.169.839	2.283.492	2.404.482	2.533.510	2.671.375
	Chi 1 lần	Người	642.805	713.120	809.708	889.034	970.361	1.037.789	1.037.789	1.037.789	1.037.789	1.037.789
2	Quỹ Tai nạn lao động, Bệnh nghề nghiệp											
	Chi hàng tháng	Người	40.009	42.465	44.808	47.443	50.235	53.191	56.321	59.635	63.143	66.859
	Chi 1 lần	Người	5.092	4.817	5.797	17.203	15.799	16.657	16.657	16.657	16.657	16.657
3	Quỹ Ốm đau thai sản											
	Ốm đau	Lượt người	6.481.297	7.554.660	8.153.463	8.587.325	7.944.437	9.136.102	9.136.102	9.136.102	9.136.102	9.136.102
	Thai sản	Lượt người	1.570.801	1.825.187	1.866.018	2.006.431	1.969.618	2.166.580	2.166.580	2.166.580	2.166.580	2.166.580
	Dưỡng sức	Lượt người	346.421	346.421	344.449	365.266	396.104	423.831	423.831	423.831	423.831	423.831
III	Nguồn quỹ BHTN											
1	Tro cấp thấp nghiệp	Lượt người	586.254	690.940	746.099	896.921	1.004.729	1.027.055	1.131.485	1.247.633	1.247.633	1.247.633
2	Hỗ trợ học nghề	Người					41.973	54.865	68.082	87.467	87.467	87.467
IV	Số lượt người khám chữa bệnh BHYT	Lượt người	149.704.802	168.150.145	176.116.787	184.500.000	171.053.240	196.107.033	198.419.101	200.923.127	203.878.672	206.707.260



ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG CÁC QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM 2016-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 353/KH-BHXH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của BHXH Việt Nam) *khv*

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025
I	DƯ NỢ ĐẦU TƯ CUỐI NĂM	500.258	609.069	728.085	813.663	887.462	967.478	1.075.621	1.217.649	1.402.164	1.631.923
1	Mua Trái phiếu Chính phủ	419.500	497.800	620.816	703.394	796.484	871.484	932.484	1.015.484	1.135.484	1.338.484
2	Đầu tư các NHTM	78.079	111.269	107.269	110.269	90.978	95.995	143.137	202.165	266.680	293.440
	- Cho vay (cũ)	879	769	769	769	110	110	110	110	110	110
	- Gửi tiền	72.200	100.500	93.500	96.500	77.869	87.885	140.027	202.055	266.570	293.330
	- Mua TPNH, CCTG	5.000	10.000	13.000	13.000	13.000	8.000	3.000	-	-	-
3	Đầu tư các dự án trọng điểm	2.679	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	TIỀN LÃI THỰC THU	32.780	37.490	41.373	46.572	46.852	42.500	42.200	46.200	48.900	51.000